BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠO ĐỨC 4

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ TOAN (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)
NGUYỄN THỊ HOÀNG ANH – NGUYỄN NGỌC DUNG

ĐẠO ĐỨC

4

SÁCH GIÁO VIÊN

(Tái bản lần thứ nhất)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

QUY ƯỚC VIẾT TẮT DÙNG TRONG SÁCH

GV	:	giáo viên
HS	:	học sinh
SGK	:	sách giáo khoa
SGV	:	sách giáo viên

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

LỜI NÓI ĐẦU

Kính thưa quý thầy, cô giáo!

Đạo đức 4 – Sách giáo viên là tài liệu dùng cho các thầy, cô giáo dạy *Đạo đức 4* của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Sách được biên soạn theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh, từ việc gắn kết kiến thức với thực tiễn đến cách tổ chức hoạt động trong quá trình dạy học.

Sách gồm hai phần:

Phần một: *Hướng dẫn chung*

Phần hai: *Hướng dẫn dạy học các bài cụ thể*

Trên cơ sở những hướng dẫn này, giáo viên có thể vận dụng linh hoạt và sáng tạo để tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường và đối tượng học sinh.

Hi vọng cuốn sách là tài liệu hữu ích, giúp quý thầy, cô đổi mới phương pháp dạy học môn Đạo đức một cách hiệu quả. Mặc dù các tác giả đã rất cố gắng nhưng cuốn sách khó tránh khỏi những hạn chế nhất định. Kính mong quý thầy, cô góp ý để sách được cập nhật và không ngừng hoàn thiện, đáp ứng ngày càng tốt hơn việc dạy học môn Đạo đức trong nhà trường.

Trân trọng cảm ơn và kính chúc quý thầy, cô mạnh khoẻ, hạnh phúc, thành công!

CÁC TÁC GIẢ

MỤC LỤC

Trang

PHẦN MỘT

HƯỚNG DẪN CHUNG

I. MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT 6

II. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC MÔN ĐẠO ĐỨC LỚP 4 8

III. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN ĐẠO ĐỨC LỚP 4 13

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN ĐẠO ĐỨC 19

PHẦN HAI

HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI CỤ THỂ

Chủ đề 1: BIẾT ƠN NGƯỜI LAO ĐỘNG 23

Bài 1: BIẾT ƠN NGƯỜI LAO ĐỘNG (4 tiết) 23

Chủ đề 2: CẢM THÔNG, GIÚP ĐỠ NGƯỜI GẶP KHÓ KHĂN **30**

Bài 2: CẢM THÔNG, GIÚP ĐỠ NGƯỜI GẶP KHÓ KHĂN (4 tiết) 30

Chủ đề 3: YÊU LAO ĐỘNG 36

Bài 3: YÊU LAO ĐỘNG (4 tiết) 36

Chủ đề 4: TÔN TRỌNG TÀI SẢN CỦA NGƯỜI KHÁC 42

Bài 4: TÔN TRỌNG TÀI SẢN CỦA NGƯỜI KHÁC (3 tiết) 42

Chủ đề 5: BẢO VỆ CỦA CÔNG 48

Bài 5: BẢO VỆ CỦA CÔNG (3 tiết) 48

Chủ đề 6: THIẾT LẬP VÀ DUY TRÌ QUAN HỆ BẠN BÈ 54

Bài 6: THIẾT LẬP QUAN HỆ BẠN BÈ (2 tiết) 54

Bài 7: DUY TRÌ QUAN HỆ BẠN BÈ (3 tiết) 59

Chủ đề 7: QUÝ TRỌNG ĐỒNG TIỀN 65

Bài 8: QUÝ TRỌNG ĐỒNG TIỀN (4 tiết) 65

Chủ đề 8: QUYỀN VÀ BỔN PHẬN CỦA TRẺ EM 72

Bài 9: QUYỀN VÀ BỔN PHẬN CỦA TRẺ EM (4 tiết) 72

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

PHẦN MỘT

HƯỚNG DẪN CHUNG

I MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Mục tiêu

Ở cấp Tiểu học, môn Đạo đức giúp HS:

– Có hiểu biết ban đầu về chuẩn mực hành vi đạo đức, pháp luật và sự cần thiết thực hiện theo các chuẩn mực đó trong quan hệ với bản thân; với người khác; với công việc; với cộng đồng, đất nước, nhân loại; với môi trường tự nhiên.

– Bước đầu hình thành thái độ tự trọng, tự tin vào bản thân, có trách nhiệm với hành động của mình; yêu thương, tôn trọng con người; mong muốn đem lại niềm vui, hạnh phúc cho mọi người; đồng tình với cái thiện, cái đúng, cái tốt, không đồng tình với cái ác, cái sai, cái xấu.

– Bước đầu hình thành kĩ năng nhận xét, đánh giá hành vi của bản thân và những người xung quanh theo các chuẩn mực đã học; kĩ năng lựa chọn và thực hiện các hành vi ứng xử phù hợp trong các quan hệ và tình huống đơn giản, cụ thể của cuộc sống.

2. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực

– Về phẩm chất: Môn Đạo đức góp phần hình thành ở HS các phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

– Về năng lực: Cùng với việc góp phần hình thành những năng lực chung, môn Đạo đức hình thành và phát triển ở HS những năng lực đặc thù: năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội.

3. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở môn Đạo đức lớp 4

Nội dung giáo dục		Chủ đề	Yêu cầu cần đạt
GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC (55%)	Yêu nước	Biết ơn người lao động	– Nêu được đóng góp của một số người lao động ở xung quanh. – Biết vì sao phải biết ơn người lao động. – Thể hiện được lòng biết ơn người lao động bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi. – Nhắc nhở bạn bè, người thân có thái độ, hành vi biết ơn những người lao động.

	Nhân ái	Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn	– Nêu được một số biểu hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn. – Biết vì sao phải cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn. – Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn bằng những lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi. – Sẵn sàng giúp đỡ người gặp khó khăn phù hợp với khả năng của bản thân.
	Chăm chỉ	Yêu lao động	– Nêu được một số biểu hiện của yêu lao động. – Biết vì sao phải yêu lao động. – Tích cực, tự giác tham gia hoạt động lao động phù hợp với khả năng của bản thân. – Quý trọng người yêu lao động; không đồng tình với những biểu hiện lười lao động.
	Trung thực	Tôn trọng tài sản của người khác	– Nêu được một số biểu hiện tôn trọng tài sản của người khác. – Biết vì sao phải tôn trọng tài sản của người khác. – Thể hiện thái độ tôn trọng tài sản của người khác bằng những lời nói, việc làm cụ thể, phù hợp. – Nhắc nhở bạn bè, người thân tôn trọng tài sản của người khác.
	Trách nhiệm	Bảo vệ của công	– Nêu được một số biểu hiện của bảo vệ của công. – Biết vì sao phải bảo vệ của công. – Có những việc làm cụ thể để bảo vệ của công. – Nhắc nhở mọi người giữ gìn, bảo vệ của công.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG (15%)	Kĩ năng nhận thức, quản lí bản thân	Thiết lập và duy trì quan hệ bạn bè.	– Biết vì sao phải thiết lập và duy trì quan hệ bạn bè. – Nhận biết được cách đơn giản để thiết lập, duy trì quan hệ bạn bè. – Có quan hệ tốt với bạn bè ở trường học và làng xóm, khối phố.
GIÁO DỤC KINH TẾ (10%)	Hoạt động tiêu dùng	Quý trọng đồng tiền	– Nêu được vai trò của tiền. – Biết vì sao phải quý trọng đồng tiền. – Biết bảo quản và tiết kiệm tiền; mua sắm quần áo, đồ dùng, đồ chơi, quà bánh,… đúng mức, phù hợp với hoàn cảnh gia đình. – Nhắc nhở bạn bè chi tiêu tiết kiệm.
GIÁO DỤC PHÁP LUẬT (10%)	Chuẩn mực hành vi pháp luật	Quyền và bổn phận của trẻ em	– Kể được một số quyền và bổn phận cơ bản của trẻ em. – Biết vì sao phải thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em. – Thực hiện được quyền và bổn phận của trẻ em phù hợp với lứa tuổi. – Nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè thực hiện quyền và bổn phận trẻ em.
KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ (10%)			

II TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC MÔN ĐẠO ĐỨC LỚP 4

1. Sách giáo khoa *Đạo đức 4*

a) Quan điểm biên soạn

Trên cơ sở mục tiêu, yêu cầu cần đạt và khung chương trình môn học, SGK *Đạo đức 4* được biên soạn đảm bảo: 1. *Tính pháp lí* (Tuân thủ Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa SGK); 2. *Tính kế thừa* (Kế thừa kinh nghiệm trong nước và quốc tế về viết SGK); 3. *Tính vừa sức* (phù hợp với đặc điểm của HS lớp 4); 4. *Tính hệ thống* (Ma trận các chủ đề/ bài học thống nhất, phát triển từ lớp 1 đến lớp 5); 5. *Tính tích hợp* (Tích hợp nội môn giữa giáo dục đạo đức, giáo dục kĩ năng sống, tích hợp liên môn giữa Đạo đức với Tiếng Việt, Mĩ thuật, Âm nhạc, Tự nhiên và Xã hội, Hoạt động trải nghiệm,…); 6. *Tính phân hoá* (các nhiệm vụ học tập được sắp xếp theo mức độ từ thấp đến cao); 7. *Tính đa dạng* (các thông tin, câu chuyện, tranh ảnh, bài tập tình huống,… phản ánh

sự đa dạng của các vùng miền); 8. *Tính thực tiễn* (các tình huống, câu chuyện, bài tập,… được chắt lọc từ những tình huống tiêu biểu, xuất phát từ thực tiễn cuộc sống của HS); 9. *Tính hiện đại* (cập nhật và tận dụng nguồn tài liệu số hoá, tạo điều kiện cho sự linh hoạt, sáng tạo của GV và HS); 10. *Tính phát triển* (dựa trên lí thuyết phát triển tâm lí HS tiểu học, quy trình dạy học trải nghiệm: Từ kinh nghiệm rời rạc – Quan sát phản tỉnh – Khái niệm hoá – Thử nghiệm, vận dụng tích cực); 11. *Tính hấp dẫn* (thông tin, hình ảnh chọn lọc, tiêu biểu và hình thức trình bày đẹp).

b) Cấu trúc SGK và cấu trúc bài học

– *Cấu trúc SGK:*

SGK *Đạo đức 4* được cấu trúc theo yêu cầu của Thông tư 33/2017/TT-BGDĐT, bao gồm: Hướng dẫn sử dụng SGK, Lời nói đầu, Mục lục, Chủ đề/Bài học, Một số thuật ngữ dùng trong sách.

Từ yêu cầu cần đạt của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 môn Giáo dục công dân, sách gồm 8 chủ đề, cụ thể hoá thành 9 bài học:

Bài 1: Biết ơn người lao động (4 tiết)

Bài 2: Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn (4 tiết)

Bài 3: Yêu lao động (4 tiết)

Bài 4: Tôn trọng tài sản của người khác (3 tiết)

Bài 5: Bảo vệ của công (3 tiết)

Bài 6: Thiết lập quan hệ bạn bè (2 tiết)

Bài 7: Duy trì quan hệ bạn bè (3 tiết)

Bài 8: Quý trọng đồng tiền (4 tiết)

Bài 9: Quyền và bổn phận của trẻ em (4 tiết)

– *Cấu trúc mỗi chủ đề/bài học:*

Mỗi chủ đề/bài học gồm các hoạt động:

+ Khởi động: Huy động kiến thức, kinh nghiệm vốn có của HS liên quan đến bài học; nhằm giúp HS nhận ra những gì chưa biết và muốn biết; tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập cho HS.

+ Khám phá: HS chiếm lĩnh tri thức, kĩ năng mới thông qua các hoạt động khác nhau để trả lời các câu hỏi: Em cần phải làm gì? Vì sao phải làm thế? Làm như thế nào?

+ Luyện tập: Củng cố và hoàn thiện những kiến thức, kĩ năng đã khám phá được.

+ Vận dụng: Hướng dẫn HS tự giác vận dụng những điều đã học vào thực tiễn cuộc sống.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG



2. Sách giáo viên

Đạo đức 4 – SGV là tài liệu hướng dẫn GV về mục tiêu, nội dung chương trình, phương pháp, phương tiện, tư liệu dạy học chung và từng bài trong chương trình.

Cấu trúc *Đạo đức 4 – SGV* gồm hai phần chính:

Phần thứ nhất: Hướng dẫn chung

Gồm những nội dung chính sau:

– Mục tiêu, yêu cầu cần đạt;

– Tài liệu và phương tiện dạy học môn Đạo đức 4;

– Phương pháp dạy học môn Đạo đức 4;

– Đánh giá kết quả học tập môn Đạo đức.

Phần hai: Hướng dẫn dạy học các bài cụ thể

Trong phần này, từng bài được trình bày theo cấu trúc:

– Tên chủ đề, bài học, thời lượng;

– Yêu cầu cần đạt;

– Đồ dùng dạy học;

– Các hoạt động dạy học;

– Định hướng đánh giá.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Lưu ý: Những hoạt động, phương pháp, phương tiện dạy học trong từng bài chỉ có tính chất gợi ý. GV cần cụ thể hoá, linh hoạt, sáng tạo trong việc lựa chọn và vận dụng cho phù hợp với trình độ của HS và điều kiện của GV, phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của địa phương.

3. Thiết bị, phương tiện dạy học

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát triển các công cụ và học liệu điện tử giúp khai thác tối ưu giá trị của các bộ SGK nói chung và SGK *Đạo đức 4* nói riêng qua nền tảng sách điện tử Tập huấn. Nền tảng này cho phép người dùng truy cập phiên bản số hoá của SGK mới và các học liệu điện tử bám sát chương trình, SGK, qua đó, giúp phong phú hoá tài liệu dạy và học, đồng thời khuyến khích người dùng ứng dụng các công cụ công nghệ thông tin trong quá trình tiếp cận chương trình mới.

Tập huấn là nền tảng tập huấn GV trực tuyến của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, được truy cập tại tên miền: taphuan.nxbgd.vn. Tập huấn cung cấp tài liệu tập huấn GV với đa dạng nội dung và định dạng, nhằm hỗ trợ GV toàn quốc trong việc tiếp cận tài liệu tập huấn, hỗ trợ hướng dẫn giảng dạy chương trình SGK mới vào bất kì thời điểm nào trong năm học.

Như vậy, GV có thể truy cập tài liệu mọi lúc mọi nơi với đa dạng các thiết bị điện tử, sử dụng trình chiếu trực tiếp trên lớp học; chủ động sử dụng nghiên cứu tại nhà, hỗ trợ cho quá trình biên soạn kế hoạch dạy học.

Ngoài ra, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30 – 12 – 2021 về danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học. Căn cứ theo thông tư trên, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã triển khai làm các thiết bị và học liệu cho môn Đạo đức 4 như sau:

- Bộ tranh về Biết ơn người lao động. Mục đích sử dụng: HS nhận biết được đóng góp của người lao động trong một số lĩnh vực; Phân biệt được hành vi, việc làm thể hiện biết ơn/không biết ơn người lao động.
- Bộ tranh về Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn. Mục đích sử dụng: HS nhận biết được một số hành vi, việc làm thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.
- Bộ tranh về Yêu lao động. Mục đích sử dụng: HS phân biệt được biểu hiện của yêu lao động với lười lao động.
- Bộ tranh về Tôn trọng tài sản của người khác. Mục đích sử dụng: HS phân biệt được hành vi đúng/chưa đúng trong việc tôn trọng tài sản của người khác.

- Bộ tranh về Bảo vệ của công. Mục đích sử dụng: HS phân biệt được hành vi biết/ chưa biết bảo vệ của công.
- Bộ thẻ về Mệnh giá các đồng tiền Việt Nam. Mục đích sử dụng: HS nêu được vai trò của tiền.
- Bộ tranh về Quyền trẻ em. Mục đích sử dụng: HS nhận biết được một số quyền của trẻ em.
- Video, clip về Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn. Mục đích sử dụng: HS biết ứng xử phù hợp trong tình huống để thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.
- Video, clip về Yêu lao động. Mục đích sử dụng: HS biết đưa ra cách ứng xử phù hợp trong tình huống thể hiện yêu lao động.
- Video, clip về Tôn trọng tài sản của người khác. Mục đích sử dụng: HS biết đưa ra cách ứng xử phù hợp trong tình huống để thể hiện tôn trọng tài sản của người khác.
- ...

Lưu ý:

1/ Dạy học Đạo đức theo tinh thần đổi mới phương pháp khuyến khích tăng cường sử dụng các thiết bị, phương tiện trong quá trình dạy học, tránh dạy chay. Các phương tiện, thiết bị sử dụng trong dạy học Đạo đức có thể là: Tranh ảnh, video, phiếu học tập, thẻ bày tỏ thái độ, máy chiếu, máy vi tính,... Các phương tiện, thiết bị này là điều kiện để đổi mới phương pháp dạy học, tăng tính hấp dẫn, hứng thú học tập của HS. Các phương tiện, thiết bị có thể do nhà trường trang bị, do GV chuẩn bị và cũng có thể do HS sưu tầm, thực hiện với sự hướng dẫn, giúp đỡ của GV.

2/ Việc sử dụng thiết bị, phương tiện dạy học phải hợp lí, hiệu quả, đúng mức, đúng lúc và đúng chỗ, tuỳ thuộc vào nội dung, tính chất từng bài, tuỳ điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của từng lớp, từng trường, từng địa phương, tránh tình trạng lạm dụng trang thiết bị hoặc sử dụng một cách hình thức.

III PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN ĐẠO ĐỨC LỚP 4

1. Định hướng phương pháp dạy học phát triển năng lực

Để hình thành và phát triển các phẩm chất, năng lực của HS thông qua các bài học Đạo đức, GV cần thực hiện các phương pháp, hình thức dạy học theo hướng:

– Chú trọng tổ chức các hoạt động để HS khám phá, phân tích, khai thác thông tin, xử lí tình huống, trường hợp điển hình; tăng cường sử dụng các thông tin, tình huống, trường hợp ở thực tế cuộc sống xung quanh, gần gũi với đời sống HS trong việc phân tích, đối chiếu, minh hoạ để các bài học vừa có sức hấp dẫn, vừa nhẹ nhàng, hiệu quả; coi trọng tổ chức các hoạt động trải nghiệm để HS tự phát hiện và chiếm lĩnh kiến thức mới, phát triển kĩ năng và thái độ tích cực, trên cơ sở đó hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cho HS.

– GV không giảng giải nhiều mà đóng vai trò là người định hướng, tổ chức, gợi mở, khích lệ, lắng nghe tích cực và tổng kết, tạo điều kiện cho HS được trải nghiệm, hoạt động và chủ động chia sẻ ý kiến.

– Kết hợp giữa các phương pháp dạy học truyền thống với các phương pháp dạy học hiện đại theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học; tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học đặc thù của môn học như: kể chuyện, thảo luận nhóm, trò chơi, tập luyện theo mẫu hành vi,…

– Kết hợp linh hoạt các hình thức dạy học: dạy học theo lớp, theo nhóm và cá nhân; dạy học ở trong lớp và ở ngoài lớp, ngoài khuôn viên nhà trường; tăng cường thực hành, rèn luyện kĩ năng trong các tình huống cụ thể của đời sống; tích cực sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại nhằm đa dạng, cập nhật thông tin, tạo hứng thú cho HS.

– Phát huy tối đa quyền được tham gia của HS, đồng thời kết nối với phụ huynh để cùng tham gia vào quá trình giáo dục con ở nhà.

2. Một số phương pháp dạy học môn Đạo đức

Để dạy học môn Đạo đức theo định hướng phát triển năng lực HS, bên cạnh việc kế thừa và làm mới những phương pháp dạy học truyền thống như giảng giải, thuyết trình, đàm thoại,… GV cần thường xuyên áp dụng những phương pháp dạy học mới. Sau đây là một số phương pháp dạy học thường được sử dụng trong dạy học Đạo đức.

a) Kể chuyện

– Khái niệm

Kể chuyện là phương pháp dùng lời để thuật lại truyện kể, từ đó rút ra bài học giáo dục.

– *Các bước tiến hành*

* Chuẩn bị:

+ GV lựa chọn câu chuyện phù hợp với chủ đề/bài học, khả năng tiếp thu của HS, gây được hứng thú, có tác dụng giáo dục.

+ Xác định bài học giáo dục chủ đạo, các tình tiết, tình huống cơ bản, đặc điểm nhân vật.

+ Tập kể chuyện trôi chảy.

+ Lựa chọn phương tiện trực quan minh hoạ cho truyện kể (tranh ảnh, video,…).

* Kể chuyện:

+ GV giới thiệu khái quát về truyện kể nhằm định hướng cho HS nội dung câu chuyện.

+ GV/HS kể chuyện, kết hợp với việc trình bày trực quan.

* Phân tích truyện kể:

GV nêu câu hỏi liên quan đến truyện kể để khai thác biểu tượng về chuẩn mực hành vi. Bước này thường được thực hiện bằng phương pháp đàm thoại, thảo luận nhóm.

– *Yêu cầu sư phạm*

+ GV cần nắm vững nội dung, tư tưởng chủ đạo và bài học giáo dục của truyện.

+ Để việc kể chuyện tự nhiên, sinh động, GV/HS cần nhập vai, dùng ngôn ngữ trong sáng, dễ hiểu, biểu cảm, kết hợp với các phương tiện trực quan.

Gợi ý: Để hình thành và phát triển năng lực cho HS, GV cần tạo điều kiện cho HS tham gia kể chuyện ở những mức độ khác nhau.

* Ví dụ: Kể chuyện "Cô chủ không biết quý tình bạn" (Bài 7: Duy trì quan hệ bạn bè).

– GV hướng dẫn HS đọc truyện trong SGK.

– HS đọc truyện (đọc thầm), làm việc nhóm để kể chuyện phân vai.

– HS chú ý quan sát, nhận xét cách kể chuyện phân vai của nhóm bạn.

– GV đặt câu hỏi:

Em có nhận xét gì về cách ứng xử của cô chủ nhỏ đối với những người bạn của mình?

Cuối cùng, điều gì đã xảy đến với cô bé?

– HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời câu hỏi.

– HS thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi.

– Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có ý kiến khác).

– GV nhận xét, kết luận:

+ Cô chủ nhỏ đã đổi gà trống lấy gà mái, đổi gà mái lấy vịt, đổi vịt lấy chó. Cứ mỗi lần thích con vật mới hơn, cô lại mang con vật cũ ra đổi, mặc dù cô đã từng coi chúng như những người bạn thân thiết.

+ Cách ứng xử của cô chủ nhỏ chứng tỏ cô không biết quý trọng tình bạn.

+ Cuối cùng, cô không có một con vật nào quấn quýt quanh mình nữa.

– GV tiếp tục hỏi:

+ Em rút ra được bài học gì từ câu chuyện trên?

+ Theo em, vì sao phải giữ gìn tình bạn?

– HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi.

– GV nhận xét, kết luận: Bài học rút ra qua câu chuyện trên là chúng ta phải biết quý trọng, giữ gìn và duy trì tình bạn. Nếu không, chúng ta sẽ không có bạn để cùng học, cùng chơi, cùng chia sẻ buồn, vui trong cuộc sống.

b) Thảo luận nhóm

– Khái niệm

Thảo luận nhóm là phương pháp tổ chức cho HS trao đổi với nhau theo nhóm để giải quyết một vấn đề giáo dục.

– Các bước tiến hành

* Chuẩn bị: GV cần:

+ Xác định rõ nội dung thảo luận.

+ Dự kiến đáp án và khả năng tham gia thảo luận của HS.

+ Chuẩn bị phiếu thảo luận nhóm (nếu cần).

* Thảo luận:

+ GV nêu nội dung thảo luận và cách thực hiện nhiệm vụ.

+ GV chia lớp thành các nhóm, giao nhiệm vụ, giới hạn thời gian, phát phiếu thảo luận (nếu có).

+ Các nhóm thảo luận.

+ HS đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung.

+ GV nhận xét, kết luận.

– Yêu cầu sư phạm

+ Vấn đề thảo luận cần gần gũi, thiết thực, vừa sức.

+ Chia nhóm phù hợp về số lượng và trình độ, tránh việc chia nhóm quá đông, khiến nhiều em không tham gia, hoặc các nhóm không cân sức.

+ Tạo không khí thân thiện, dân chủ trong thảo luận để HS tự do bày tỏ ý kiến; động viên, khen ngợi kịp thời để HS phấn khởi, tích cực thảo luận.

+ GV cần nắm bắt kịp thời để hỗ trợ các nhóm gặp khó khăn trong quá trình thảo luận.

* Ví dụ: Tình huống ở Bài 8: Quý trọng đồng tiền: "Sau tết Nguyên đán, Toàn có một số tiền mừng tuổi. Bạn băn khoăn không biết nên sử dụng món tiền đó vào việc gì: mua món đồ mà mình rất thích; đưa cho bố mẹ giữ hộ; nuôi lợn đất...".

– GV hướng dẫn HS đọc tình huống, thảo luận nhóm 4 để đưa ra cách xử lí tình huống.

– HS thực hiện nhiệm vụ.

– GV quan sát, hỗ trợ, hướng dẫn HS khi cần thiết.

– GV mời đại diện mỗi nhóm lên trình bày về cách xử lí 1 tình huống. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung hoặc đặt câu hỏi cho nhóm bạn.

– GV nhận xét, gợi ý cách xử lí tình huống.

Có một số cách xử lí khác nhau: 1. Nếu món đồ mà Toàn thích rất cần cho cuộc sống hằng ngày của Toàn và số tiền mừng tuổi đủ để mua nó thì bạn nên xin phép bố mẹ được mua món đồ đó; 2. Nếu món đồ mà Toàn thích không thực sự cần cho cuộc sống hằng ngày của Toàn mà lại là món đồ đắt tiền thì Toàn không nên mua mà hãy gửi tiền nhờ bố mẹ giữ cho hoặc nuôi lợn đất,…

c) Tổ chức trò chơi

– Khái niệm

Tổ chức trò chơi là phương pháp tổ chức cho HS thực hiện những hành động phù hợp với bài học thông qua một trò chơi nào đó.

– Các bước tiến hành

* Chuẩn bị: GV cần:

+ Thiết kế trò chơi: Tên trò chơi, nội dung, cách chơi, luật chơi.

+ Dự kiến những HS tham gia trò chơi.

+ Chuẩn bị phương tiện phục vụ trò chơi.

+ Dự kiến thời gian chơi và khả năng thực hiện trò chơi của HS.

* Tiến hành chơi:

+ GV hướng dẫn HS nắm vững trò chơi.

+ HS thực hiện trò chơi.

+ HS đánh giá việc thực hiện trò chơi.

+ GV nhận xét, đánh giá.

– *Yêu cầu sư phạm*

+ Trò chơi phải phù hợp với nội dung giáo dục, vừa sức với HS, có thể thực hiện trong thực tế.

+ Nên có những phương tiện vật chất cần thiết để nâng cao hiệu quả của trò chơi.

+ Cần tạo điều kiện cho đông đảo HS tham gia chơi, đặc biệt là những em nhút nhát.

+ Luật chơi rõ ràng, đánh giá khách quan, công bằng, giúp HS có hứng thú khi chơi.

* Ví dụ: Trò chơi: Kể về các quyền và bổn phận của trẻ em. (Bài 9: Quyền và bổn phận của trẻ em).

– GV giới thiệu trò chơi, chọn đội chơi, phổ biến luật chơi: Mỗi đội 03 HS, chơi 02 vòng: Vòng 1 kể các quyền của trẻ em, vòng 2 kể các bổn phận của trẻ em. GV chia bảng thành 02 cột; 02 đội xếp hàng, lần lượt mỗi người trong từng đội viết các quyền/bổn phận của trẻ em lên bảng. Trong cùng một thời gian, đội nào có nhiều câu đúng hơn sẽ thắng.

– HS tham gia trò chơi, các bạn trong lớp theo dõi và cổ vũ.

– Kết thúc trò chơi, GV mời một số HS nhận xét, đánh giá.

– GV nhận xét ngắn gọn, khen ngợi các bạn chơi tốt.

d) Điều tra

– *Khái niệm*

Điều tra là phương pháp tổ chức cho HS tìm hiểu thực trạng cuộc sống xung quanh liên quan tới nội dung giáo dục của chủ đề/bài học.

– *Các bước tiến hành*

* Chuẩn bị: GV cần:

+ Xác định nội dung điều tra.

+ Dự kiến kết quả điều tra.

+ Chuẩn bị phiếu điều tra.

+ Dự kiến thời gian, địa điểm, cách tiến hành điều tra, cách đánh giá kết quả, phối hợp các lực lượng giáo dục để hỗ trợ HS.

* Thực hiện:

+ GV hướng dẫn HS: Nội dung điều tra, cách tiến hành, địa điểm điều tra, thời hạn hoàn thành, cách đánh giá.

+ HS điều tra, hoàn thành các phiếu theo yêu cầu.

+ HS nộp phiếu điều tra/báo cáo, trình bày kết quả trước lớp; các HS khác nhận xét.

+ GV nhận xét, đánh giá, kết luận.

– *Yêu cầu sư phạm*

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

+ Nội dung điều tra cần phù hợp với chủ đề/bài học giáo dục, khả năng, kinh nghiệm của HS và điều kiện thực tế.

+ Nhiệm vụ điều tra mang ý nghĩa xã hội, có tác dụng giáo dục thiết thực.

+ HS được tổ chức theo nhóm (mỗi nhóm nhiều trình độ; các nhóm trình độ tương đương) để tạo ra sự cân sức giữa các nhóm.

+ Nên tạo điều kiện cho các nhóm có sản phẩm điều tra tốt lên trình bày, HS được giải thích cách làm, tranh luận, bổ sung ý kiến cho nhau.

* Ví dụ: Sau khi học Bài 5: Bảo vệ của công, GV có thể cho HS làm việc nhóm, điều tra về việc bảo vệ tài sản trường, lớp của các bạn HS trong lớp, trong trường (qua quan sát, phỏng vấn), viết phiếu ghi chép, nhận xét và báo cáo trước lớp trong giờ học Đạo đức tuần sau.

e) Đóng vai

– Khái niệm

Đóng vai là phương pháp HS thực hành, "làm thử" một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định.

– Các bước tiến hành

+ GV giới thiệu tình huống.

+ Các nhóm thảo luận, xây dựng kịch bản và phân công đóng vai.

+ Các nhóm lên đóng vai.

+ HS nhận xét, đánh giá.

+ GV nhận xét, kết luận.

– Yêu cầu sư phạm

+ Tính mục đích của tình huống phải thật rõ ràng.

+ Tình huống phải dễ đóng vai, không nên quá phức tạp.

+ Mọi HS đều được tham gia vào quá trình thảo luận, xây dựng kịch bản, được đóng vai hoặc phục vụ cho việc đóng vai của các bạn trong nhóm. Nên khích lệ cả những HS nhút nhát cùng tham gia. Trong khi các nhóm thảo luận, xây dựng kịch bản, GV cần đến từng nhóm quan sát, lắng nghe, kịp thời phát hiện những khó khăn, lúng túng của HS để hỗ trợ, điều chỉnh kịp thời.

* Ví dụ:

– Đóng vai bày tỏ ý kiến/nhận xét hành vi trong hoạt động Luyện tập của các bài. Ví dụ, trong Bài 3: Yêu lao động, GV có thể mời một số HS đóng vai bày tỏ ý kiến: "Theo tớ, chỉ có người nghèo mới phải lao động. Bạn có đồng ý với ý kiến của tớ không?" Nếu bạn nào đồng ý thì giơ thẻ xanh, nếu bạn nào không đồng ý thì giơ thẻ đỏ. Sau khi nhận được ý kiến đồng tình/không đồng tình của các bạn trong lớp, HS đó có thể hỏi các bạn giải thích lí do vì sao mình lại lựa chọn như vậy.

– GV có thể tổ chức cho HS thảo luận nhóm, xây dựng kịch bản và đóng vai thể hiện nội dung tình huống và đưa ra cách giải quyết phù hợp. Ví dụ: Trong Bài 1: Biết ơn người lao động, GV có thể cho HS làm việc nhóm, xây dựng kịch bản, đóng vai xử lí tình huống: "Cô giáo yêu cầu các bạn giới thiệu về nghề nghiệp của người thân. Một bạn bên cạnh chê nghề nghiệp của bố mẹ Mai. Nếu là Mai, em sẽ nói gì với bạn đó?".

g) Rèn luyện

– *Khái niệm*: Rèn luyện là phương pháp tổ chức cho HS thực hiện những hành vi, công việc trong cuộc sống hằng ngày theo bài học đạo đức.

– *Các bước tiến hành*

+ Xác định nội dung rèn luyện: Căn cứ vào tính chất, mục tiêu của bài học, khả năng của HS, điều kiện thực tế xung quanh,… để xác định công việc mà các em cần thực hiện cho phù hợp.

+ Thiết kế phiếu rèn luyện (nếu cần) để giúp HS ghi lại kết quả rèn luyện.

+ Giao nhiệm vụ, trong đó nêu rõ: nội dung công việc, cách tiến hành, thời gian, địa điểm thực hiện,…

+ HS thực hiện nhiệm vụ.

– *Yêu cầu sư phạm*

+ Nội dung rèn luyện phải phù hợp với bài học, đặc điểm tâm, sinh lí, khả năng của HS và điều kiện thực tế tại nhà trường và địa phương.

+ Đối với các hoạt động rèn luyện ở nhà, GV nên có sự phối hợp với gia đình trong việc tổ chức và đánh giá hoạt động rèn luyện của HS nhằm đảm bảo tính thiết thực, hiệu quả.

Ví dụ: Ở Bài 3: Yêu lao động, GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện các công việc ở trường, ở nhà phù hợp với khả năng (ghi lại nội dung công việc và kết quả thực hiện vào phiếu).

Cùng với các phương pháp dạy học trên, GV có thể sử dụng các kĩ thuật dạy học như: kĩ thuật Khăn trải bàn, kĩ thuật Các mảnh ghép, kĩ thuật Tia chớp,…

IV ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN ĐẠO ĐỨC

Việc đánh giá kết quả học tập của HS căn cứ vào Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mục đích, yêu cầu

a) Mục đích

Đánh giá là một khâu quan trọng của quá trình dạy học, nhằm cung cấp cho GV, HS, phụ huynh và các nhà quản lí thông tin về việc học tập của HS, biết được những điểm mạnh, sự tiến bộ của HS, cũng như những điểm cần được cải thiện; tạo cơ hội

và thúc đẩy quá trình học tập của HS, tăng động lực và hứng thú học tập của HS. Những dữ liệu thu thập được trong quá trình đánh giá đồng thời là cơ sở thực tế để GV cải tiến phương pháp và hình thức tổ chức dạy học; các nhà quản lí phát triển chương trình giáo dục; giúp cha mẹ HS tích cực hợp tác với nhà trường trong quá trình giáo dục HS.

b) Yêu cầu

– Đánh giá HS thông qua mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn Đạo đức và những biểu hiện phẩm chất, năng lực của HS theo yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 môn Giáo dục công dân.

– Đánh giá sự tiến bộ và vì sự tiến bộ của HS, khuyến khích sự cố gắng trong học tập, rèn luyện của HS; giúp HS phát huy nhiều nhất khả năng, năng lực; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan, không so sánh HS này với HS khác, không tạo áp lực cho HS, GV và phụ huynh HS.

2. Nội dung đánh giá

Việc đánh giá sẽ được xác định trên mức độ đạt được của HS về những phẩm chất và năng lực sau:

– Những phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

– Những năng lực cốt lõi:

+ Năng lực chung: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực đặc thù của môn học: điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội.

3. Hình thức đánh giá

Đánh giá kết quả trong môn Đạo đức được thực hiện thông qua đánh giá quá trình và đánh giá định kì.

a) Đánh giá quá trình

Kết hợp đánh giá của GV với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của HS, đánh giá của phụ huynh HS và đánh giá của cộng đồng, trong đó đánh giá của GV là quan trọng nhất.

– GV căn cứ vào các biểu hiện về nhận thức, kĩ năng, thái độ của HS ở từng năng lực, phẩm chất để nhận xét, có biện pháp giúp đỡ kịp thời.

– HS tự nhận xét và tham gia nhận xét bạn, nhóm bạn về những biểu hiện của từng năng lực, phẩm chất.

– Phụ huynh HS trao đổi, phối hợp với GV để động viên, giúp đỡ HS rèn luyện và phát triển năng lực, phẩm chất.

b) Đánh giá định kì

Đánh giá định kì là đánh giá kết quả giáo dục sau một giai đoạn học tập, rèn luyện nhằm xác định mức độ hình thành, phát triển năng lực, phẩm chất của HS so với mục tiêu, yêu cầu của chương trình.

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Đánh giá định kì được thực hiện vào 4 thời điểm: giữa học kì I, cuối học kì I, giữa học kì II và cuối năm học.

– Đánh giá định kì về nội dung học tập trên ba mức:

+ Hoàn thành tốt: HS thực hiện tốt các yêu cầu học tập và thường xuyên có các biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học.

+ Hoàn thành: HS thực hiện được các yêu cầu học tập và có các biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học.

+ Chưa hoàn thành: HS chưa thực hiện được các yêu cầu học tập hoặc chưa có các biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học.

– Đánh giá định kì đối với sự hình thành và phát triển các phẩm chất, năng lực trên ba mức:

+ Tốt: HS đáp ứng tốt yêu cầu giáo dục, biểu hiện rõ và thường xuyên.

+ Đạt: HS đáp ứng được yêu cầu giáo dục, biểu hiện nhưng chưa thường xuyên.

+ Cần cố gắng: HS chưa đáp ứng được đầy đủ yêu cầu giáo dục, biểu hiện chưa rõ.

Đối với môn Đạo đức, không bắt buộc HS phải làm bài kiểm tra định kì và không đánh giá bằng điểm số mà đánh giá bằng nhận xét. Mục đích cuối cùng của môn Đạo đức là hình thành và phát triển các chuẩn mực hành vi cho HS. Do vậy, cần đánh giá cả về nhận thức và về hành vi thực hiện bài học của HS trong cuộc sống hằng ngày ở nhà, ở trường và ở cộng đồng, trong đó đặc biệt coi trọng việc đánh giá hành vi của HS.

4. Phương pháp đánh giá

a) Phương pháp vấn đáp

GV trao đổi với HS thông qua việc hỏi đáp để thu thập thông tin nhằm đưa ra những nhận xét, biện pháp giúp đỡ kịp thời. Bằng phương pháp này, GV có thể kiểm tra tri thức, hành vi, thái độ của HS.

– Về tri thức, GV có thể yêu cầu HS trả lời các câu hỏi: Vì sao? Như thế nào? Ví dụ: Vì sao em cần biết ơn người lao động? Em cần làm gì để thể hiện lòng biết ơn người lao động? (Bài 1: Biết ơn người lao động).

– Về hành vi, GV có thể yêu cầu HS tự đánh giá hành vi của mình bằng các câu hỏi: Em đã làm điều đó như thế nào?

Ví dụ: Em đã làm gì để thể hiện lòng biết ơn người lao động? (Bài 1: Biết ơn người lao động).

– Về thái độ, GV có thể yêu cầu HS giải thích động cơ thực hiện hành vi của mình hoặc bày tỏ thái độ đồng tình hay không đồng tình với các ý kiến, hành vi có liên quan đến bài học.

Ví dụ: Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến/hành vi nào dưới đây? Vì sao? (Cần phải biết ơn người lao động vì họ đã tạo ra của cải cho xã hội; Không cần phải biết ơn người lao động vì chúng ta đã trả tiền để mua sản phẩm của họ,…) Ở mức độ cao hơn, GV có thể cho HS trình bày ý kiến xử lí tình huống trên cơ sở gắn kiến thức của bài học với thực tiễn cuộc sống xung quanh, gần gũi với HS.

b) Phương pháp quan sát

GV quan sát HS trong quá trình dạy học, sử dụng phiếu quan sát, bảng kiểm tra, nhật kí ghi chép lại các biểu hiện của HS để sử dụng làm minh chứng đánh giá quá trình học tập, rèn luyện của HS. Các nhận xét phải dựa trên các bằng chứng xác thực từ kết quả quan sát HS tham gia hoạt động học tập và hoạt động thực tiễn; nghiên cứu sản phẩm hoạt động của HS, đặc biệt là sản phẩm thực hành, ứng dụng và quan trọng nhất là quan sát cách HS giao tiếp, ứng xử, giải quyết các tình huống có vấn đề về đạo đức, pháp luật trong cuộc sống thực tiễn.

Ví dụ: GV có thể quan sát HS thiết lập và duy trì quan hệ bạn bè như thế nào qua thái độ, việc làm cụ thể như: Làm quen với bạn mới, cùng học, cùng chơi với bạn, chia sẻ, giúp đỡ bạn trong học tập và trong sinh hoạt (Bài 6, 7).

c) Phương pháp đánh giá qua bài viết

GV sử dụng các bài kiểm tra gồm các câu hỏi, bài tập được thiết kế theo mức độ, yêu cầu cần đạt của chương trình, dưới hình thức trắc nghiệm, tự luận hoặc kết hợp trắc nghiệm và tự luận để đánh giá mức đạt được về các nội dung giáo dục cần đánh giá.

d) Phương pháp đánh giá sản phẩm hoạt động của HS

Các sản phẩm hoạt động của HS gồm: các phiếu học tập (phiếu thảo luận nhóm, phiếu điều tra, phiếu rèn luyện…), tranh ảnh, thiệp, đồ dùng, tiền bạc được HS quyên góp.

Ví dụ: Khi dạy Bài 8: Quý trọng đồng tiền, GV có thể cho HS hoàn thành phiếu học tập, có ý kiến nhận xét của gia đình HS về những việc các em đã làm để thể hiện sự quý trọng đồng tiền như thế nào.

PHẦN HAI

HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI CỤ THỂ

Chủ đề 1 BIẾT ƠN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Bài 1 BIẾT ƠN NGƯỜI LAO ĐỘNG (4 tiết)

I YÊU CẦU CẦN ĐẠT

– *Sau bài học này, HS cần:*

+ Nêu được đóng góp của một số người lao động ở xung quanh.

+ Biết vì sao phải biết ơn người lao động.

+ Thể hiện được lòng biết ơn người lao động bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.

+ Nhắc nhở bạn bè, người thân có thái độ, hành vi biết ơn những người lao động.

– *HS có cơ hội hình thành và phát triển:*

+ Năng lực chung: tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống liên quan tới lòng biết ơn người lao động.

+ Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, có thái độ, lời nói, việc làm thể hiện lòng biết ơn người lao động; tìm hiểu và tham gia những hoạt động thể hiện lòng biết ơn người lao động.

+ Phẩm chất yêu nước, yêu mến, kính trọng, biết ơn người lao động.

II ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SGK, SGV, Vở bài tập Đạo đức 4.

– Bộ tranh về *Biết ơn người lao động* theo Thông tư 37/2021-TT/BGDĐT.

– Bài hát "Lớn lên em sẽ làm gì?" (sáng tác: Trần Hữu Pháp), video "Bài hát về việc làm và nghề nghiệp",...

– Máy chiếu, máy tính, bài giảng PowerPoint (nếu có).

III CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động

Mục tiêu: Tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập cho HS và kết nối vào bài học mới.

Cách tiến hành:

– GV cho HS nghe/hát/xem video bài hát "Lớn lên em sẽ làm gì?" (sáng tác: Trần Hữu Pháp) và trả lời câu hỏi:

Có những nghề gì được nhắc tới trong bài hát?

– HS trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét, kết luận:

+ Trong bài hát, có những nghề nghiệp: người công nhân xây dựng, người nông dân lái máy cày, người kĩ sư mỏ địa chất, người lái tàu. Các bạn nhỏ trong bài hát mơ ước làm những nghề đó vì người công nhân đi xây dựng những nhà máy mới, người nông dân lái máy cày để cày ruộng, trồng lúa, rau,… cung cấp cho xã hội, người lái tàu đưa người ra Bắc vào Nam, người kĩ sư đi tìm tài nguyên làm giàu cho đất nước.

+ Nhờ có những người lao động, chúng ta mới có những sản phẩm cần thiết cho cuộc sống. Vì vậy, chúng ta cần biết ơn người lao động. Bài học "Biết ơn người lao động" sẽ giúp các em hiểu được vì sao chúng ta cần biết ơn người lao động qua việc tìm hiểu những đóng góp của họ trong cuộc sống. Từ đó, thể hiện lòng biết ơn người lao động bằng những lời nói, việc làm cụ thể.

2. Khám phá

Hoạt động 1 *Tìm hiểu những đóng góp của người lao động*

Mục tiêu: HS nêu được một số đóng góp của những người lao động ở xung quanh.

Cách tiến hành:

– GV yêu cầu HS đọc bài thơ "Tiếng chổi tre" của nhà thơ Tố Hữu và trả lời câu hỏi: *Việc làm của chị lao công giúp ích gì cho cuộc sống của chúng ta?*

– HS đọc bài thơ và trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét, kết luận: Khi mọi người đã ngủ, chị lao công vẫn cần mẫn quét rác trên đường phố trong những đêm hè vắng lặng và những đêm đông giá rét. Việc làm của chị lao công góp phần giữ sạch, đẹp đường phố, để "Hoa Ngọc Hà/ Trên đường rực nở/ Hương bay xa/ Thơm ngát đường ta". Bởi vậy, chúng ta cần biết ơn việc làm của chị lao công.

– GV tiếp tục dùng kĩ thuật Tia chớp để HS trả lời nhanh câu hỏi: *Hãy kể thêm một số công việc của người lao động khác mà em biết. Những công việc đó có đóng góp gì cho xã hội?*

– HS trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV kẻ bảng, lần lượt điền vào bảng những câu trả lời đúng. Ví dụ:

STT	Nghề nghiệp	Đóng góp
1	Nông dân (lái máy gặt)	Góp phần tạo ra lúa, gạo cho xã hội.
2	Công nhân (may)	May quần áo cho mọi người.
3	Giáo viên	Dạy kiến thức, đạo đức, kĩ năng,... cho HS.
4	Nhân viên bán hàng	Giúp mọi người mua bán, trao đổi hàng hoá.
5	Bác sĩ	Khám, chữa bệnh cho mọi người.
6	Nhà khoa học	Nghiên cứu khoa học để ứng dụng vào cuộc sống.
7	…	…

– *Gợi ý*: GV có thể tổ chức cho HS tham gia trò chơi "Giải đố về nghề nghiệp". GV chọn hai đội chơi, mỗi đội khoảng 3 – 5 HS. Lần lượt đội A nêu câu hỏi, đội B trả lời và ngược lại. Có thể sử dụng câu đố vui về nghề nghiệp hoặc mô tả hoạt động của một nghề nghiệp để đội bạn gọi tên nghề nghiệp đó.

Ví dụ:

1/ Nghề gì cần đến đục, cưa

Làm ra giường, tủ,… sớm, trưa ta cần?

2/ Nghề gì vận chuyển hành khách, hàng hoá từ nơi này đến nơi khác?...

Hoạt động 2 *Khám phá vì sao phải biết ơn người lao động*

Mục tiêu: giúp HS biết được vì sao phải biết ơn người lao động.

Cách tiến hành:

– GV hướng dẫn HS quan sát hình ảnh trong SGK (hoặc GV chiếu lên bảng), yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi:

+ *Những sản phẩm đó cần thiết cho cuộc sống của chúng ta như thế nào?*

+ *Nêu nhận biết của em về công sức của người lao động khi làm ra các sản phẩm đó.*

+ *Theo em, vì sao chúng ta phải biết ơn người lao động?*

– HS quan sát ảnh, thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi.

– Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).

– GV nhận xét, kết luận:

Ảnh	Sản phẩm	Vai trò	Công sức người lao động
1	Gà, cá, gạo	Lương thực, thực phẩm nuôi sống con người	Công sức của người nông dân
2	Quần áo Giày dép Mũ nón	Để mặc Để đi Để đội	Công sức của người công nhân, nhà thiết kế,…
3	Tủ lạnh Máy giặt Xe đạp, ô tô, xe máy	Bảo quản đồ ăn, làm lạnh Giặt quần áo Phương tiện đi lại	Công sức của người công nhân, kĩ sư,…
4	Tranh ảnh	Đáp ứng nhu cầu tinh thần	Công sức của những người lao động nghệ thuật,…

Trong cuộc sống, chúng ta cần có những sản phẩm như lương thực, thực phẩm và những đồ dùng cần thiết khác do người lao động tạo ra. Chúng ta cần có những sản phẩm đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần. Vì vậy, chúng ta cần biết ơn người lao động.

Hoạt động 3 *Tìm hiểu những việc cần làm để thể hiện lòng biết ơn người lao động*

Mục tiêu: HS nêu được những việc cần làm phù hợp với lứa tuổi để thể hiện lòng biết ơn người lao động.

Cách tiến hành:

– GV hướng dẫn HS quan sát tranh trong SGK (hoặc chiếu tranh lên bảng), đọc tình huống để trả lời câu hỏi: *Hãy nêu những việc làm thể hiện lòng biết ơn người lao động qua những bức tranh đó.*

– HS làm việc nhóm đôi, quan sát tranh và trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét, kết luận:

Trường hợp	Những việc em cần làm để thể hiện lòng biết ơn đối với người lao động
a	Kính trọng, chào hỏi người lao động.
b	Trân trọng những sản phẩm do người lao động làm ra.

c	Quan tâm, bày tỏ lòng yêu mến với người lao động bằng lời nói, việc làm phù hợp.
d	Thể hiện sự biết ơn người lao động qua hoạt động vẽ tranh về người lao động.
e	Giúp đỡ người lao động khi họ gặp khó khăn.
g	Mong muốn sẽ làm công việc như người lao động mà em biết ơn, kính trọng.

– GV nêu câu hỏi, áp dụng phương pháp đàm thoại và kĩ thuật Tia chớp, yêu cầu HS trả lời nhanh: *Theo em, còn việc làm nào khác để thể hiện lòng biết ơn với người lao động?*

– HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời nhanh. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét, kết luận (chốt kiến thức phần khám phá): Người lao động đã tạo ra những sản phẩm cần thiết để phục vụ cho cuộc sống của con người. Bởi vậy, chúng ta cần kính trọng, biết ơn người lao động bằng thái độ, lời nói và việc làm phù hợp.

3. Luyện tập

Mục tiêu: Giúp HS củng cố kiến thức đã học về lòng biết ơn đối với người lao động.

Cách tiến hành:

Bài tập 1. Bày tỏ ý kiến

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc bài tập, suy nghĩ, dùng thẻ học tập để bày tỏ ý kiến.

– GV mời một số HS phát biểu, các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét, kết luận:

a. Đồng tình, vì nhờ có người lao động chúng ta mới có thể duy trì cuộc sống.

b. Không đồng tình, vì dù chúng ta đã trả tiền để mua hàng hoá của người lao động thì vẫn cần biết ơn họ vì nếu không có họ thì chúng ta không thể mua hàng hoá được.

c. Không đồng tình, vì cần biết ơn những người lao động xung quanh ta và ở khắp nơi.

d. Không đồng tình, vì cần phải biết ơn mọi người lao động, kể cả người lao động chân tay, vì lao động chân chính nào cũng có đóng góp cho xã hội.

e. Đồng tình, vì trân trọng thành quả lao động chính là biết ơn người lao động.

Gợi ý: GV có thể cho một số HS lần lượt sắm vai người có ý kiến đó và hỏi ý kiến của cả lớp đồng tình hay không đồng tình với ý kiến của mình và giải thích vì sao.

Bài tập 2. Nhận xét hành vi

– GV hướng dẫn HS đọc bài tập trong sách hoặc chiếu từng trường hợp lên bảng.

– HS thảo luận nhóm đôi, nhận xét từng trường hợp.

– Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét, kết luận:

a. Lê không thể hiện thái độ tôn trọng người lao động vì bạn nhại theo giọng của cô bán hàng rong.

b. Châu đã thể hiện sự biết ơn người lao động vì bạn thể hiện tình yêu, thái độ tôn trọng đối với công việc của bố mình.

c. Thanh đã thể hiện sự biết ơn người lao động vì bạn có lời nói, việc làm thể hiện sự biết ơn đối với chú công nhân sửa điện cho nhà mình.

d. Chi đã thể hiện sự biết ơn người lao động vì bạn không phân biệt đối xử mà yêu quý bác giúp việc như người nhà.

e. Bảo đã không thể hiện sự biết ơn người lao động vì bạn thể hiện thái độ không tôn trọng, thiếu lịch sự đối với người giao hàng.

Bài tập 3. Xử lí tình huống

– GV chia nhóm, giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm xử lí một tình huống.

– HS quan sát tranh, đọc tình huống, thảo luận nhóm để đưa ra cách xử lí tình huống.

(Có thể xây dựng kịch bản và đóng vai xử lí tình huống.)

– Các HS khác quan sát, nhận xét, bày tỏ ý kiến.

– GV nhận xét, kết luận:

+ Tình huống 1: Phương nên thuyết phục Khánh qua nhặt đồ giúp bác. Nếu Khánh không đồng ý thì Phương vẫn nên giúp bác.

+ Tình huống 2: Mai nên nói với bạn đó: Mỗi nghề nghiệp đều quan trọng và có vai trò khác nhau trong xã hội. Mai cần nói rõ tầm quan trọng của nghề nghiệp của bố mẹ mình cho bạn đó hiểu hơn.

+ Tình huống 3: Nhung nên xin phép bố mẹ chia sẻ bớt những rau, củ, quả đó cho mọi người xung quanh.

Bài tập 4. Đưa ra lời khuyên cho bạn

– GV chiếu/treo tranh của bài tập 4, hướng dẫn HS quan sát, đọc tình huống, thảo luận để đưa ra lời khuyên cho bạn.

– HS thảo luận để đưa ra phương án trả lời, các HS khác suy nghĩ, bổ sung nếu có ý kiến khác.

– GV nhận xét, kết luận:

+ Tình huống 1: Khuyên Huy không nên làm như vậy vì đó là hành động không tôn trọng thành quả của người lao động; bác lao công đã vất vả lau sạch hành lang, lần

sau Huy nên chờ sàn nhà khô rồi hãy bước vào hoặc chọn đi lối khác, không giẫm chân bẩn lên hành lang đã được lau sạch.

+ Tình huống 2: Khuyên bạn không nên lấy quá nhiều đồ ăn vì nếu không ăn hết sẽ lãng phí công sức của người lao động.

4. Vận dụng

Mục tiêu: HS ứng dụng được những điều đã học vào thực tiễn qua những việc làm thể hiện lòng biết ơn đối với người lao động.

Cách tiến hành:

1. GV tổ chức cho HS chơi trò "Phóng viên nhí", chia sẻ một số việc mà bản thân đã làm để thể hiện lòng biết ơn đối với người lao động.

   GV chọn một HS xung phong làm phóng viên, lần lượt hỏi các bạn trong lớp: *Bạn đã làm gì để thể hiện lòng biết ơn đối với người lao động?* Phóng viên có thể hỏi thêm: *Có khi nào bạn chứng kiến những lời nói, việc làm chưa thể hiện lòng biết ơn người lao động? Bạn có suy nghĩ gì về điều đó?*

2. GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để sưu tầm ca dao, tục ngữ, bài thơ, bài hát, tranh, ảnh, truyện về người lao động; giờ học sau sẽ triển lãm và trình bày sản phẩm trước lớp. Các nhóm xem và nhận xét sản phẩm của nhau.

3. GV hướng dẫn HS làm việc nhóm: Cùng các bạn trong nhóm xây dựng và biểu diễn tiểu phẩm về chủ đề "Biết ơn người lao động".

GV có thể gợi ý cho HS một số tình huống để xây dựng tiểu phẩm. Ví dụ: 1/ Bác xe ôm chở bạn đi học, đến cổng trường bạn chạy thẳng vào sân trường, không chào bác; 2/ Một bạn định viết vào SGK, bạn khác nhắc nhở không nên làm thế; 3/Bác thợ sơn đang sơn tường, nhân lúc bác không để ý, một bạn đi qua, cầm que vẽ lên bức tường đó,…

Thông điệp: GV chiếu/viết thông điệp lên bảng. HS quan sát trên bảng hoặc nhìn vào SGK để đọc.

ĐỊNH HƯỚNG ĐÁNH GIÁ

Qua hỏi – đáp và quan sát thái độ, hành động của HS để đánh giá trên các mức:

1. *Hoàn thành tốt*: Nêu được đóng góp của một số người lao động ở xung quanh; Biết vì sao phải biết ơn người lao động; Thể hiện được lòng biết ơn người lao động bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi; Nhắc nhở bạn bè, người thân có thái độ, hành vi biết ơn những người lao động.
2. *Hoàn thành*: Thực hiện được các yêu cầu cần đạt của bài nhưng chưa đầy đủ.
3. *Chưa hoàn thành:* Chưa thực hiện được một số yêu cầu cần đạt của bài.

Chủ đề 2 CẢM THÔNG, GIÚP ĐỠ NGƯỜI GẶP KHÓ KHĂN

Bài 2 CẢM THÔNG, GIÚP ĐỠ NGƯỜI GẶP KHÓ KHĂN (4 tiết)

I YÊU CẦU CẦN ĐẠT

– *Sau bài học, HS cần:*

+ Nêu được một số biểu hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.

+ Biết vì sao phải cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.

+ Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn bằng những lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.

+ Sẵn sàng giúp đỡ người gặp khó khăn phù hợp với khả năng của bản thân.

– *HS có cơ hội hình thành và phát triển:*

+ Năng lực chung: tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống liên quan tới việc cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.

+ Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi; tìm hiểu và tham gia những hoạt động giúp đỡ người gặp khó khăn.

+ Phẩm chất nhân ái, biết yêu thương, cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn trong cuộc sống.

II ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SGK, SGV, Vở bài tập Đạo đức 4.

– Bộ tranh *Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn* theo Thông tư 37/2021-TT/BGDĐT.

– Bài hát "Bầu và bí", (nhạc Phạm Tuyên, lời: Ca dao cổ).

– Câu chuyện, bài hát, trò chơi gắn với nội dung cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.

– Máy tính, máy chiếu (nếu có).

III CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động

Mục tiêu: Tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập cho HS và kết nối vào bài học mới.

Cách tiến hành:

– GV cho cả lớp cùng nghe hoặc hát bài "Bầu và bí" (nhạc: Phạm Tuyên, lời: Ca dao cổ).

– Sau khi HS nghe/hát, GV đặt câu hỏi: *Bài hát nhắn nhủ chúng ta điều gì?*

– HS suy nghĩ trả lời.

– GV mời một vài HS trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét, kết luận: "Bầu và bí" là hai giống cây khác nhau nhưng thường được người nông dân trồng chung ở bờ ao, góc vườn; chúng thường leo chung trên một giàn. Vì thế "bầu và bí" trở nên gần gũi, thân thiết. Cùng chung một điều kiện sống, cùng chung số phận, cho nên bầu và bí không nên vì lí do gì mà xa rời nhau. Bài hát nhắn nhủ chúng ta là những người dân của nước Việt Nam hãy giữ vững truyền thống thương yêu, đùm bọc lẫn nhau trong cuộc sống.

Ông cha ta đã cho con cháu một lời khuyên chân thành, kín đáo mà thiết tha, tế nhị: Sống ở trên đời, không ai giống ai. Mỗi người có một nguồn gốc, hoàn cảnh, điều kiện sống riêng. Tuy vậy, mọi người vẫn có những điểm giống nhau. Anh em ruột thịt có chung cha mẹ. Bạn bè cùng chung trường, chung lớp, chung thầy cô. Hàng xóm láng giềng chung đường đi, lối lại. Dù có khác nhau về điều kiện kinh tế, lứa tuổi, ngành nghề, nhưng tất cả đều chung quê hương, đất nước. Những cảnh ngộ chung, những nét giống nhau đã làm nên mối quan hệ ràng buộc, gắn bó, là cơ sở để gần gũi, cảm thông. Chính vì cái chung ấy mà mỗi người cần biết thương yêu đùm bọc, nhường nhịn, sẻ chia để công việc chung được tốt đẹp, cảnh ngộ chung được cải thiện, hạnh phúc chung được giữ vững. Không ai có thể sống riêng lẻ, tách biệt vì tình thương yêu làm cho con người gắn bó với nhau hơn và cuộc sống của mỗi người sẽ tốt đẹp hơn.

2. Khám phá

Hoạt động 1 *Tìm hiểu một số biểu hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn*

Mục tiêu: HS nêu được một số biểu hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn.

Cách tiến hành:

– GV chiếu/treo tranh lên bảng để HS quan sát, đồng thời hướng dẫn HS quan sát 4 bức tranh ở mục a trong SGK .

– GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi để trả lời câu hỏi:

+ *Những người trong tranh gặp phải khó khăn gì?*

+ *Em còn biết những hoàn cảnh khó khăn nào khác?*

– HS thảo luận cặp đôi.

– GV khuyến khích HS chia sẻ kết quả thảo luận với cả lớp.

– Các HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

– GV kết luận: Những người trong tranh gặp khó khăn về thị lực (tranh 1), về sức khoẻ (tranh 2), về điều kiện kinh tế (tranh 3), về hoàn cảnh sống bị lũ lụt cuốn trôi, làm ướt, hỏng sách vở (tranh 4).

Ngoài ra trong xã hội còn nhiều người gặp hoàn cảnh khó khăn khác như khó khăn do dịch bệnh, tai nạn, cháy nổ, già yếu,…

– GV tiếp tục yêu cầu HS làm việc cá nhân để nêu những biểu hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn trong 6 bức tranh ở mục b.

– GV mời HS trả lời câu hỏi.

– Một vài HS nêu các biểu hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn trong những bức tranh.

– GV kết luận: Các bức tranh thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn với các hình thức như: nấu cơm tặng cho những người có hoàn cảnh khó khăn; làm nhà tình nghĩa tặng người nghèo; giúp đỡ bạn bị khuyết tật; lau dọn nhà cửa giúp cụ già neo đơn; ủng hộ quần áo, sách vở cho học sinh vùng bị lũ lụt; quan tâm, động viên khi bạn gặp chuyện buồn.

– GV nêu câu hỏi: *Em còn biết những việc làm nào khác thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn?*

– GV khuyến khích HS trả lời.

– GV kết luận: Ngoài những cách trên để thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn thì còn có những cách khác như đưa ra lời khuyên cho những người đang gặp hoàn cảnh khó khăn; an ủi và bảo vệ những người đang sợ hãi; trò chuyện, gửi thư động viên người gặp hoàn cảnh khó khăn; làm các công việc tình nguyện tại trại trẻ mồ côi hay nhà tình thương; dạy học cho trẻ vô gia cư; tặng đồ chơi cho trẻ em nghèo; tạo ra một quỹ từ thiện để giúp trẻ em nghèo có thể đi học;…

Hoạt động 2 *Khám phá vì sao phải cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn*

Mục tiêu: HS biết được vì sao phải cảm thông, giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn.

Cách tiến hành:

– GV yêu cầu HS đọc thầm câu chuyện "Giúp bạn" trong SGK.

– GV mời một HS đọc to câu chuyện cho cả lớp nghe.

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi:

+ Khi con đã làm gì để giúp dê con? Khi được giúp đỡ, dê con cảm thấy thế nào?

+ Em sẽ làm gì nếu những người xung quanh em gặp khó khăn?

+ *Theo em, sự cảm thông, giúp đỡ có ý nghĩa như thế nào đối với những người đang gặp khó khăn?*

– HS thảo luận nhóm, GV quan sát và gợi mở, giúp đỡ các nhóm khi cần thiết.

– GV mời đại diện một vài nhóm chia sẻ kết quả thảo luận, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

– GV động viên, khen ngợi các nhóm đã tích cực thảo luận và có câu trả lời đúng.

– GV nhận xét, kết luận:

+ Khỉ con đã chủ động mời dê con đến nhà mình, khỉ kể chuyện của gia đình dê con với mẹ và xin phép mẹ tặng dê con một số sách vở, quần áo, đồ chơi và vật dụng sinh hoạt, khỉ con còn nói những lời động viên dê con. Nếu khỉ con không cảm thông, giúp đỡ dê con thì có thể dê sẽ bị đói, không có quần áo để mặc, không có sách vở để học,… Khi được giúp đỡ, dê con rất cảm động, thấy ấm áp và biết ơn cả nhà khỉ con.

+ Nếu những người xung quanh em gặp khó khăn, em cần biết thể hiện sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ bằng lời nói và việc làm phù hợp với khả năng để giúp họ vơi bớt những khó khăn trong cuộc sống.

+ Đối với những người đang gặp khó khăn, sự cảm thông, giúp đỡ sẽ giúp họ vượt qua những nghịch cảnh của cuộc sống, góp phần làm vơi đi những mất mát hay tổn thương. Đối với mối quan hệ giữa con người với con người, nhờ có sự đồng cảm và sẻ chia, con người sẽ xích lại gần nhau hơn. Khi ta trao đi yêu thương, ta sẽ là một con người hoàn thiện về nhân cách, được mọi người xung quanh yêu mến, kính trọng. Và khi ta biết sẻ chia, cuộc sống của chúng ta ngày càng tốt đẹp, bình yên và thanh thản.

3. Luyện tập

Mục tiêu: HS củng cố được kiến thức đã học và thực hành cách xử lí tình huống cụ thể.

Cách tiến hành:

Bài tập 1. Kể về một người có hoàn cảnh khó khăn theo gợi ý:

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, nhớ lại về một người có hoàn cảnh khó khăn mà em biết để kể lại cho bạn bên cạnh nghe theo gợi ý:

+ Tên của người đó;

+ Nơi họ sống;

+ Những khó khăn mà họ đang gặp;

+ Những việc mà em có thể làm để giúp họ.

– HS kể theo gợi ý, các HS khác nhận xét.

– GV khen ngợi và động viên HS đã biết cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.

Bài tập 2. Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào dưới đây? Vì sao?

– GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, đọc các ý kiến trong SGK và bày tỏ thái độ.

– GV mời một vài HS chia sẻ kết quả thảo luận.

– GV nhận xét, kết luận:

+ Đồng tình với các ý kiến: động viên, an ủi khi người khác gặp chuyện buồn; nhường chỗ cho người khuyết tật trên các phương tiện công cộng; rủ bạn khuyết tật cùng chơi. Vì đó là những việc làm thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người gặp hoàn cảnh khó khăn.

+ Không đồng tình với các ý kiến: "Quan tâm, giúp đỡ người gặp khó khăn là việc của người lớn", vì trẻ em cũng cần quan tâm, cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn bằng lời nói, hành động phù hợp với lứa tuổi; "Chỉ giúp đỡ người khó khăn nếu họ là người mình quen biết", vì chúng ta cần thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ với tất cả người gặp hoàn cảnh khó khăn xung quanh ta, đó là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Quan tâm, giúp đỡ người gặp khó khăn là hành động có giá trị nhân văn cao đẹp và khi hành động đó được thực hiện một cách tự nguyện nó sẽ hình thành lối sống, nếp sống đẹp cho mỗi người cũng như trong quá trình phát triển nhân cách. Giúp đỡ người khác không chỉ làm cho người được giúp cảm thấy được chia sẻ, đồng cảm mà còn mang lại niềm vui cho bản thân người giúp đỡ.

Bài tập 3. Lựa chọn thái độ, hành vi thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ

– GV yêu cầu HS thảo luận nhóm để xác định những thái độ, hành vi thể hiện sự cảm thông với người gặp hoàn cảnh khó khăn.

a) Chân thành

b) Tỏ vẻ thương hại, ban ơn

c) Tôn trọng, tế nhị

d) Lời nói, cử chỉ phù hợp

e) Ánh mắt thân tình

g) Quan tâm, lắng nghe

– GV mời đại diện một vài nhóm chia sẻ kết quả thảo luận.

– Đại diện các nhóm lên trả lời, các nhóm khác lắng nghe, bổ sung ý kiến.

– GV nhận xét, kết luận: Khi thể hiện sự cảm thông với người gặp hoàn cảnh khó khăn ta cần có thái độ chân thành, lời nói, cử chỉ phù hợp, ánh mắt thân tình, tôn trọng, tế nhị, quan tâm, lắng nghe họ giãi bày; cần tránh thái độ, hành vi tỏ vẻ thương hại, ban ơn.

Bài tập 4. Xử lí tình huống

– GV yêu cầu mỗi nhóm HS lựa chọn một tình huống trong SGK để đóng vai đưa ra cách xử lí đúng.

– HS các nhóm lựa chọn tình huống, thảo luận cách xử lí tình huống, phân công đóng vai các nhân vật trong tình huống.

– Từng nhóm lên đóng vai, các nhóm còn lại chú ý quan sát, cổ vũ, động viên.

– GV cùng HS nhận xét cách xử lí tình huống của các nhóm.

– GV khen ngợi các nhóm có cách xử lí đúng.

4. Vận dụng

Mục tiêu: HS ứng dụng được những điều đã học vào thực tiễn qua những việc làm thể hiện sự cảm thông, giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn.

Cách tiến hành:

1. GV yêu cầu HS về nhà tìm 3–5 câu ca dao, tục ngữ, bài thơ, bài hát,… nói về sự cảm thông, giúp đỡ con người.

   Gợi ý: Một miếng khi đói bằng một gói khi no; Thương người như thể thương thân; Lá lành đùm lá rách; Nhường cơm sẻ áo;...

2. GV yêu cầu HS viết những lời yêu thương để gửi đến những người có hoàn cảnh khó khăn (ví dụ: Một bạn ở vùng cao đã bị lũ quét cuốn trôi hết sách vở, một bạn bị bệnh nặng không thể đến trường,…).

3. GV yêu cầu HS cùng các bạn trong nhóm xây dựng và thực hiện kế hoạch giúp đỡ người gặp khó khăn theo bản gợi ý trong SGK.

Thông điệp: GV chiếu/viết thông điệp lên bảng. HS quan sát trên bảng hoặc nhìn vào SGK đọc.

ĐỊNH HƯỚNG ĐÁNH GIÁ

Qua hỏi – đáp và quan sát thái độ, hành động của HS để đánh giá trên các mức:

1. *Hoàn thành tốt:* Nêu được một số biểu hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn; Biết vì sao phải cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn; Cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn bằng những lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi; Sẵn sàng giúp đỡ người gặp khó khăn phù hợp với khả năng của bản thân.
2. *Hoàn thành:* Thực hiện được các yêu cầu cần đạt của bài nhưng chưa đầy đủ.
3. *Chưa hoàn thành:* Chưa thực hiện được một số yêu cầu cần đạt của bài.

Chủ đề 3 YÊU LAO ĐỘNG

Bài 3 YÊU LAO ĐỘNG (4 tiết)

I YÊU CẦU CẦN ĐẠT

– *Sau bài học* này, *HS cần:*

+ Nêu được một số biểu hiện của yêu lao động.

+ Biết vì sao phải yêu lao động.

+ Tích cực, tự giác tham gia hoạt động lao động phù hợp với khả năng của bản thân.

+ Quý trọng người yêu lao động, không đồng tình với những biểu hiện lười lao động.

– *HS có cơ hội hình thành và phát triển:*

+ Năng lực chung: tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống liên quan tới thái độ đối với lao động.

+ Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi; tìm hiểu và tham gia hoạt động lao động.

+ Phẩm chất chăm chỉ, biết thể hiện tình yêu lao động qua thái độ, lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.

II ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SGK, SGV, Vở bài tập Đạo đức 4.

– Bộ tranh về *Yêu lao động* theo Thông tư 37/2021-TT/BGDĐT

– Câu chuyện, bài hát, trò chơi gắn với nội dung của chủ đề.

– Máy tính, máy chiếu (nếu có).

III CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động

Mục tiêu: Tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập cho HS và kết nối vào bài học mới.

Cách tiến hành:

– GV mời một vài HS chia sẻ trải nghiệm:

+ Kể những việc em đã làm được khi ở nhà, ở trường.

+Khi làm những việc đó, em cảm thấy như thế nào?

– HS chia sẻ và trả lời.

– GV khen ngợi những HS đã biết làm những công việc ở nhà và ở trường.

– GV kết luận và dẫn dắt vào bài.

2. Khám phá

Hoạt động 1 *Tìm hiểu một số biểu hiện của yêu lao động*

Mục tiêu: HS nêu được một số biểu hiện của yêu lao động.

Cách tiến hành:

– GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, quan sát 4 bức tranh trong SGK và trả lời các câu hỏi:

+ Em hãy nêu các biểu hiện của yêu lao động qua các bức tranh đó.

+ Hãy nêu thêm các biểu hiện của yêu lao động mà em biết.

– GV mời đại diện một vài nhóm chia sẻ kết quả thảo luận, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

– Đại diện các nhóm chia sẻ, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– GV động viên, khen ngợi các nhóm đã tích cực thảo luận và có câu trả lời đúng.

– GV nhận xét, kết luận:

+ Biểu hiện của yêu lao động qua các bức tranh: Chủ động, tự giác lao động ở trường, lớp; Vui vẻ, yêu thích lao động; Lao động tích cực, có kết quả tốt; Chủ động tham gia lao động ở nơi mình sinh sống.

+ Các biểu hiện khác của yêu lao động là tích cực, tự giác làm những việc phù hợp với khả năng; chăm làm việc nhà, việc trường; thấy việc là làm ngay không trì hoãn; không đùn đẩy việc cho người khác, không nhờ người khác làm hộ việc của mình; yêu quý, kính trọng những người yêu lao động; không đồng tình, lên án những người lười lao động,...

Hoạt động 2 *Khám phá vì sao phải yêu lao động*

Mục tiêu: HS biết được vì sao phải yêu lao động.

Cách tiến hành:

– GV yêu cầu HS đọc thầm câu chuyện "Những giọt mồ hôi trên trán mẹ" trong SGK.

– GV mời một HS đọc to câu chuyện cho cả lớp nghe.

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi:

+ *Cô bé đã thể hiện tình yêu lao động như thế nào? Những việc làm của cô bé đã đem lại điều gì?*

+ *Theo em, vì sao phải yêu lao động?*

– HS thảo luận nhóm, GV quan sát và gợi mở, giúp đỡ các nhóm khi cần thiết.

– GV mời đại diện một vài nhóm chia sẻ kết quả thảo luận, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

– GV động viên, khen ngợi các nhóm đã tích cực thảo luận và có câu trả lời đúng.

– GV nhận xét, kết luận:

+ Cô bé trong truyện rất yêu lao động, cô thường xuyên giúp mẹ làm việc nhà. Quần áo mẹ phơi khô mà chưa kịp gấp, cô bé không ngần ngại gấp gọn gàng, rồi cất vào tủ của mỗi người. Thấy những ngăn kệ phủ bụi mẹ chưa kịp lau, cô bé đã làm giúp mẹ mỗi chiều. Việc làm của cô bé đã giúp mẹ cô bé đỡ vất vả hơn, giúp cô bé trưởng thành hơn và được mọi người yêu quý, khâm phục.

+ Chúng ta cần yêu lao động vì: lao động tạo ra của cải vật chất nhằm thoả mãn nhu cầu vật chất, tinh thần của con người; lao động giúp ta khoẻ mạnh và hoạt bát hơn; lao động giúp chất lượng cuộc sống luôn được cải thiện theo nhu cầu ngày càng cao của xã hội; lao động đã tạo nên loài người văn minh; lao động nâng cao sự hiểu biết về chính mình; lao động tạo niềm vui, hứng thú cho cuộc sống,...

3. Luyện tập

Mục tiêu: HS củng cố được kiến thức đã học và thực hành cách xử lí tình huống cụ thể.

Cách tiến hành:

Bài tập 1. Nhận xét các ý kiến

– GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, thảo luận với bạn bên cạnh để xác định các ý kiến mà các em đồng tình và giải thích vì sao em lại đồng tình/không đồng tình với ý kiến đó.

– HS đọc các ý kiến trong SGK, thảo luận với bạn để trả lời câu hỏi.

– GV mời một vài HS chia sẻ câu trả lời với cả lớp.

– HS chia sẻ, các HS khác lắng nghe, bổ sung ý kiến.

– GV nhận xét, kết luận: Em cần đồng tình với các ý kiến: Lười lao động là đáng chê cười; Lao động đem lại cho con người niềm vui; Cần quý trọng những người yêu lao động; Trẻ em có bổn phận làm những việc phù hợp với khả năng. Không đồng tình với ý kiến: Chỉ người nghèo mới phải lao động.

Bài tập 2. Em đồng tình hoặc không đồng tình với việc làm của bạn nào dưới đây? Vì sao?

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc các nội dung trong SGK để xác định việc làm của bạn mà em đồng tình/ không đồng tình và giải thích vì sao em lại đồng tình/ không đồng tình với việc làm đó.

– HS đọc các ý kiến trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

– GV mời một vài HS chia sẻ câu trả lời trước lớp.

– GV nhận xét, kết luận: Em cần đồng tình với các bạn: Long, Mai, Nam vì hành vi của các bạn thể hiện các bạn là người yêu lao động, luôn tự giác làm các công việc ở nhà và ở trường, làm việc với thái độ vui vẻ. Không đồng tình với các bạn: Kiên, Tuấn, Hương vì các bạn không yêu lao động, luôn làm việc được giao một cách qua loa, cẩu thả; chọn việc nhẹ để làm, đùn đẩy việc khó cho người khác; lấy lí do để không phải lao động.

Bài tập 3. Em sẽ khuyên bạn điều gì?

– GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, thảo luận với bạn bên cạnh để đưa ra lời khuyên cho bạn.

– HS đọc các tình huống trong SGK, thảo luận với bạn để đưa ra lời khuyên phù hợp.

– GV mời một vài HS chia sẻ câu trả lời với cả lớp, các bạn khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét, kết luận:

+ Tình huống a: Suy nghĩ, hành động này của Huy là không đúng vì HS đến trường ngoài việc học thì cần tham gia các hoạt động khác do trường, lớp tổ chức, trong đó có các hoạt động lao động. Khuyên Huy tích cực tham gia các hoạt động của trường, lớp vì qua đó mới thể hiện mình là người yêu lao động, không lười nhác, ỷ lại cho người khác. Việc tham gia lao động ở trường, lớp còn cho thấy người tham gia có tinh thần tập thể, tích cực vì hoạt động chung, đồng thời thông qua lao động ở trường, lớp, mỗi người còn phát triển được các kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng phát triển bản thân, được bạn bè, thầy cô yêu quý,…

+ Tình huống b: Suy nghĩ của Khuê là không đúng, vì tích cực tham gia các hoạt động tập thể của trường, lớp, trong đó có hoạt động giữ gìn sạch, đẹp trường, lớp là yêu cầu không thể thiếu đối với mỗi HS. Do vậy, em cần giải thích cho Khuê hiểu việc làm của Hùng là rất đáng được khen ngợi, khuyên bạn cần đồng tình với cô giáo và bày tỏ sự khen ngợi đối với Hùng.

+ Tình huống c: Em cần khuyên Quỳnh khi có thời gian, cần giúp bố mẹ những việc nhà vừa sức như lau dọn nhà cửa, bàn ghế, nấu cơm, nhặt rau, tưới cây,… vì nghĩa

vụ của một người con trong gia đình là giúp đỡ bố mẹ làm những việc phù hợp với khả năng, có như vậy bố mẹ mới đỡ vất vả, đồng thời khi làm những việc nhà, chúng ta sẽ phát triển được các kĩ năng lao động của bản thân, trở nên tự lập hơn, được người thân thêm yêu quý,…

+ Tình huống d: Em cần khuyên Hường không nên từ chối việc mà tập thể lớp giao. Vì sống trong một tập thể, mỗi người cần có ý thức về trách nhiệm của mình trong tập thể đó. Việc tham gia Hội chợ Xuân là việc chung của lớp, mỗi người cần tham gia để hoàn thành tốt công việc chung đó.

Bài tập 4. Xử lí tình huống

– GV yêu cầu mỗi nhóm HS lựa chọn một tình huống trong SGK để đóng vai đưa ra cách xử lí đúng.

– HS các nhóm lựa chọn tình huống, thảo luận cách xử lí tình huống, phân công đóng vai các nhân vật trong tình huống.

– Từng nhóm lên đóng vai, các nhóm còn lại chú ý quan sát, cổ vũ, động viên.

– GV cùng HS nhận xét cách xử lí tình huống của các nhóm.

Gợi ý:

+ Tình huống a: Nếu là thành viên trong tổ của Lan, em nên bầu bạn Kiên vì HS ngoài việc học tốt thì cần tích cực tham gia các hoạt động tập thể, trong đó có hoạt động lao động. Kiên xứng đáng được khen vì bạn học giỏi đồng thời tích cực tham gia các hoạt động tập thể, nhất là trong lao động. Em cần giải thích cho một số bạn trong tổ hiểu và bày tỏ sự khen ngợi đối với Kiên.

+ Tình huống b: Em tiếp tục lau dọn nhà cửa sạch sẽ và nói với bạn để bạn chờ mình làm xong thì sẽ cùng nhau chơi cầu lông. Vì chia sẻ việc nhà với các thành viên trong gia đình là nghĩa vụ của mỗi người. Việc được giao cần ưu tiên thực hiện trước, sau đó sẽ vui chơi, giải trí.

+ Tình huống c: Nếu là Ngọc, em sẽ ra làm việc cùng ông, nhờ ông hướng dẫn những việc em có thể làm để công việc được hoàn thành sớm, ông sẽ có thời gian để nghỉ ngơi.

4. Vận dụng

Mục tiêu: HS ứng dụng được những điều đã học vào thực tiễn qua những việc làm thể hiện là người yêu lao động.

Cách tiến hành:

– GV yêu cầu HS về nhà sưu tầm câu chuyện về một tấm gương yêu lao động, đồng thời nêu những điều em học hỏi được từ tấm gương đó.

– GV mời một vài HS chia sẻ cảm xúc của em sau khi đã làm xong một công việc (ở trường, ở nhà, ở nơi công cộng,...)

– GV yêu cầu HS tự giác thực hiện các công việc ở nhà, ở trường phù hợp với khả năng của em, thực hiện và ghi vào bảng theo gợi ý dưới đây:

Việc em làm	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ nhật
Quét nhà							
Lau bàn ghế							
Gấp quần áo							
…							

Thông điệp: GV chiếu/viết thông điệp lên bảng. HS quan sát trên bảng hoặc nhìn vào SGK để đọc.

ĐỊNH HƯỚNG ĐÁNH GIÁ

Qua hỏi – đáp và quan sát thái độ, hành động của HS để đánh giá trên các mức:

1. Hoàn thành tốt: Nêu được một số biểu hiện của yêu lao động; Biết vì sao phải yêu lao động; Tích cực, tự giác tham gia hoạt động lao động phù hợp với khả năng của bản thân; Quý trọng người yêu lao động, không đồng tình với những biểu hiện lười lao động.

2. Hoàn thành: Thực hiện được các yêu cầu cần đạt của bài nhưng chưa đầy đủ.

3. Chưa hoàn thành: Chưa thực hiện được một số yêu cầu cần đạt của bài.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Chủ đề 4 TÔN TRỌNG TÀI SẢN CỦA NGƯỜI KHÁC

Bài 4 TÔN TRỌNG TÀI SẢN CỦA NGƯỜI KHÁC (3 tiết)

I YÊU CẦU CẦN ĐẠT

– *Sau bài học, HS cần:*

+ Nêu được một số biểu hiện tôn trọng tài sản của người khác.

+ Biết vì sao phải tôn trọng tài sản của người khác.

+ Thể hiện thái độ tôn trọng tài sản của người khác bằng những lời nói và việc làm cụ thể, phù hợp.

+ Nhắc nhở bạn bè, người thân tôn trọng tài sản của người khác.

– *HS có cơ hội hình thành và phát triển:*

+ Năng lực chung: tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống liên quan tới việc tôn trọng tài sản của người khác.

+ Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, có thái độ, lời nói, việc làm thể hiện tôn trọng tài sản của người khác.

+ Phẩm chất trung thực, tôn trọng, bảo vệ, không xâm phạm tới tài sản của người khác.

II ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SGK, SGV, Vở bài tập Đạo đức 4.

– Bộ tranh về *Tôn trọng tài sản của người khác* theo Thông tư 37/2021-TT/BGDĐT.

– Máy tính, máy chiếu, bài giảng PowerPoint (nếu có).

III CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động

Mục tiêu: Khai thác những trải nghiệm đã có của HS về bài học, tạo tâm thế tích cực cho HS và kết nối vào bài học mới.

Cách tiến hành:

– GV nêu câu hỏi:

+ *Em hãy cùng các bạn kể tên các tài sản (đồ chơi, đồ dùng,...) của mình.*

+ *Khi em bị mất hay hỏng một món đồ chơi/đồ dùng, em cảm thấy như thế nào?*

– HS chia sẻ ý kiến trước lớp.

– GV nhận xét, dẫn dắt vào bài học mới.

2. Khám phá

Hoạt động 1 *Tìm hiểu một số biểu hiện tôn trọng tài sản của người khác*

Mục tiêu: HS nêu được một số biểu hiện tôn trọng tài sản của người khác.

Cách tiến hành:

– GV hướng dẫn HS đọc nội dung các trường hợp và kết hợp quan sát tranh minh hoạ trong SGK.

– GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm 4 và trả lời câu hỏi:

+ Hãy nêu biểu hiện tôn trọng tài sản của người khác trong các trường hợp đó.

+ Kể thêm các biểu hiện thể hiện sự tôn trọng tài sản của người khác.

– HS suy nghĩ trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.

– Gợi ý:

Trường hợp a: Khi thấy đồ dùng của người khác bị rơi, chúng ta nên nhặt và trả lại người đánh mất.

Trường hợp b: Chỉ dùng đồ của người khác sau khi đã hỏi mượn và nhận được sự đồng ý từ người đó.

Trường hợp c: Khi mượn đồ của người khác, cần sử dụng cẩn thận, tránh làm mất, làm hỏng.

Trường hợp d: Nếu không may làm hỏng đồ của bạn thì cần nói lời xin lỗi và sửa lại đồ cho bạn.

– Các nhóm thảo luận độc lập dưới sự điều khiển của nhóm trưởng.

– GV tổ chức cho các nhóm trình bày kết quả thảo luận, nhận xét và bổ sung lẫn nhau (có thể mời mỗi thành viên trong nhóm trình bày về một trường hợp).

– GV nhận xét và kết luận theo gợi ý dưới đây: Tôn trọng tài sản của người khác được thể hiện qua các hành vi: nhặt được của rơi, đem trả cho người đánh mất; chỉ sử dụng đồ của người khác khi đã hỏi mượn và được đồng ý; khi mượn đồ của người khác phải giữ gìn cẩn thận; nếu không may làm hỏng đồ của người khác thì cần sửa lại và nói lời xin lỗi; nếu làm hỏng đồ của bạn thì cần xin lỗi và tìm cách sửa lại đồ cho bạn,…

Hoạt động 2 *Khám phá vì sao phải tôn trọng tài sản của người khác*

Mục tiêu: HS giải thích được vì sao cần tôn trọng tài sản của người khác.

Cách tiến hành:

– GV kể hoặc mời HS đọc diễn cảm câu chuyện "Chuột con mượn rìu".

– GV mời HS kể tóm tắt câu chuyện.

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi:

+ *Chuột con cảm thấy thế nào khi không trả rìu cho hươu?*

+ *Vì sao chuột con cảm thấy khoan khoái sau khi trả rìu cho hươu?*

+ *Theo em, vì sao phải tôn trọng tài sản của người khác?*

– HS suy nghĩ, trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.

– Gợi ý:

+ Chuột con cảm thấy không hề dễ chịu khi không trả rìu cho hươu.

+ Chuột con cảm thấy khoan khoái khi trả rìu cho hươu vì khi đó chuột con không còn cảm giác dằn vặt và tự trách bản thân nữa.

+ Cần phải tôn trọng tài sản của người khác vì đó không phải là tài sản của mình. Thực hiện tốt điều này sẽ khiến mỗi người cảm thấy thoải mái, vui vẻ và được mọi người xung quanh tin tưởng, yêu quý.

– GV kết luận: Chúng ta cần biết tôn trọng tài sản của người khác. Đây cũng chính là một biểu hiện của phẩm chất thật thà, trung thực. Người biết tôn trọng tài sản của người khác sẽ được mọi người tin tưởng, yêu quý.

3. Luyện tập

Mục tiêu: Giúp HS củng cố kiến thức, biết bày tỏ thái độ, nhận xét hành vi, xử lí tình huống liên quan đến việc tôn trọng tài sản của người khác.

Cách tiến hành:

Bài tập 1. Bày tỏ ý kiến

* **Phương án 1:**

– GV mời một HS đóng vai là "Phóng viên nhí", đưa ra từng ý kiến hoặc hành vi và mời một số bạn trong lớp chia sẻ quan điểm (tán hành hay không tán thành và giải thích vì sao).

– HS bày tỏ ý kiến.

* **Phương án 2:**

– GV mời HS đọc từng ý kiến trong SGK.

– GV yêu cầu cả lớp bày tỏ thái độ tán thành hoặc không tán thành với từng ý kiến bằng cách giơ tay hoặc giơ thẻ.

– GV mời một vài HS giải thích vì sao tán thành hoặc không tán thành.

– Gợi ý:

+ Ý kiến a: Chỉ sử dụng tài sản của người khác khi được cho phép.

Tán thành: Vì mỗi người chỉ có quyền sử dụng tài sản của mình. Khi muốn sử dụng tài sản của người khác thì phải xin phép và được sự đồng ý của người đó.

+ Ý kiến b: Khi đã được cho mượn thì có quyền sử dụng tuỳ ý.

Không tán thành vì: Khi mượn đồ của người khác, chúng ta có trách nhiệm sử dụng cẩn thận và đem trả lại sau khi dùng xong.

+ Ý kiến c: Có thể sử dụng đồ của người khác trước, hỏi mượn sau.

Không tán thành vì: Điều này có nghĩa đã tự ý sử dụng đồ của người khác vì chưa chắc đã được sự cho phép của người đó.

+ Ý kiến d: Khi sử dụng tài sản của người khác, tránh làm hỏng, làm mất.

Tán thành vì: Ai cũng muốn tài sản của mình không bị hư hỏng, mất mát. Vì vậy, thì khi sử dụng tài sản của người khác, chúng ta có trách nhiệm giữ gìn, bảo quản cẩn thận tài sản đó.

– GV nhận xét và kết luận: Tán thành với các ý kiến a, d; không tán thành với các ý kiến b, c.

Bài tập 2. Nhận xét hành vi

– GV yêu cầu HS quan sát và nhận diện nội dung tranh trong SGK.

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4 và trả lời câu hỏi:

Bạn nào biết tôn trọng tài sản của người khác, bạn nào chưa biết tôn trọng tài sản của người khác? Vì sao?

– Các nhóm độc lập thảo luận dưới sự điều khiển của nhóm trưởng.

– GV tổ chức cho các nhóm trình bày kết quả thảo luận, nhận xét và bổ sung cho nhau.

– Gợi ý:

+ Tranh 1: Bạn Hải chưa biết tôn trọng tài sản của người khác (tự ý lấy đồ của người khác để dùng mà không hỏi mượn).

+ Tranh 2: Bạn nam áo xanh chưa biết tôn trọng tài sản của người khác (rủ bạn vẽ lên tường nhà hàng xóm). Bạn nam áo trắng có thái độ tôn trọng tài sản của người khác vì đã nhắc nhở bạn không được làm như vậy.

+ Tranh 3: Việc làm của bạn nữ thể hiện sự tôn trọng tài sản của người khác (nhắc em không nghịch máy tính của mẹ).

+ Tranh 4: Việc làm của bạn nữ thể hiện sự tôn trọng tài sản của người khác (cất đồ bị bỏ quên giúp bạn và trả lại cho bạn).

+ Tranh 5: Em chưa biết tôn trọng tài sản của anh (mượn đồ chơi của anh nhưng không giữ gìn cẩn thận mà làm hỏng đồ chơi đó).

– GV nhận xét và kết luận: Các hành vi tôn trọng tài sản của người khác: Nhắc em không nghịch đồ của mẹ, nhắc bạn không vẽ lên tường nhà hàng xóm, cất đồ bị bỏ quên giúp bạn; hành vi thiếu tôn trọng tài sản của người khác: tự ý lấy đồ của người khác để dùng mà không hỏi mượn, rủ bạn vẽ lên tường nhà hàng xóm, làm hỏng đồ chơi của anh.

Bài tập 3. Đưa ra lời khuyên cho bạn

– GV mời HS đọc tình huống trong SGK.

– GV tổ chức cho HS trao đổi theo nhóm đôi để đưa ra lời khuyên cho bạn trong mỗi tình huống và giải thích.

– Đại diện một số nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– Gợi ý:

+ Tình huống 1: Khuyên bạn Quân khi muốn dùng đồ của người khác thì cần hỏi mượn và chỉ sử dụng khi được sự đồng ý của người đó.

+ Tình huống 2: Khuyên bạn Hằng khi mượn đồ của người khác phải giữ gìn và bảo quản cẩn thận, tránh làm làm hỏng, làm mất.

+ Tình huống 3: Khuyên bạn Tùng khi mượn đồ của người khác thì phải hẹn ngày trả và khi sử dụng xong phải trả lại người đó như đã hẹn.

– GV nhận xét và kết luận: Với mỗi tình huống, cần khuyên bạn thực hiện các việc làm phù hợp để thể hiện thái độ tôn trọng tài sản của người khác.

Bài tập 4. Xử lí tình huống

– GV chia nhóm gồm 4 – 6 HS, cho các nhóm bốc thăm để lựa chọn tình huống.

– Các nhóm thảo luận, thống nhất đưa ra cách xử lí tình huống một cách phù hợp. Từ đó, có thể xây dựng thành tiểu phẩm nhỏ, phân vai và tập đóng vai trong nhóm.

– GV mời một số nhóm lên đóng vai, một số nhóm khác có thể nêu ý tưởng tiểu phẩm. Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

– Gợi ý:

+ Tình huống a: Hải nên thảo luận với Đức rằng sẽ nhờ thầy/cô tổng phụ trách thông báo để bạn làm mất quả bóng được biết và nhận lại.

+ Tình huống b: Lan nên nói với Tâm là vì đây không phải là xe của mình nên không tự ý cho mượn được. Nếu chủ nhân của chiếc xe cũng là bạn Tâm quen thì Lan có thể gợi ý Tâm nên hỏi mượn bạn đó.

+ Tình huống c: Nam nên nói với em trai rằng, mặc dù cành táo vươn sang vườn nhà mình nhưng vẫn phải được sự cho phép của bác hàng xóm thì hai anh em mới được hái quả.

– GV đánh giá chung và kết luận: Với mỗi tình huống, cần có cách xử lí phù hợp thể hiện thái độ tôn trọng tài sản của người khác.

4. Vận dụng

Mục tiêu: HS thể hiện được thái độ tôn trọng tài sản của người khác bằng lời nói và hành vi phù hợp.

Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS chia sẻ nhóm đôi về những việc em đã và sẽ làm để thể hiện sự tôn trọng tài sản của người khác; đại diện một số nhóm chia sẻ trước lớp.

– GV hướng dẫn HS thiết kế góc tìm đồ (bút, thước kẻ, mũ, áo khoác,…) để giúp các bạn tìm lại được những đồ không may bị bỏ quên.

Lưu ý: GV nên tổ chức cho HS lên ý tưởng thiết kế và phân công chuẩn bị vật liệu, phương tiện vào cuối tiết học trước. Đồng thời, GV tổ chức cho HS luyện tập cùng nhắc nhở bạn bè, người thân tôn trọng tài sản của người khác.

Thông điệp: GV chiếu/viết thông điệp lên bảng. HS quan sát trên bảng hoặc nhìn vào SGK để đọc.

ĐỊNH HƯỚNG ĐÁNH GIÁ

Qua hỏi – đáp và quan sát thái độ, hành động của HS để đánh giá trên các mức:

1. *Hoàn thành tốt*: Nêu được một số biểu hiện tôn trọng tài sản của người khác; Biết vì sao phải tôn trọng tài sản của người khác; Thể hiện thái độ tôn trọng tài sản của người khác bằng những lời nói và việc làm cụ thể, phù hợp; Nhắc nhở bạn bè, người thân tôn trọng tài sản của người khác.
2. *Hoàn thành*: Thực hiện được các yêu cầu cần đạt của bài nhưng chưa đầy đủ.
3. *Chưa hoàn thành:* Chưa thực hiện được một số yêu cầu cần đạt của bài.

Chủ đề 5 BẢO VỆ CỦA CÔNG

Bài 5 BẢO VỆ CỦA CÔNG (3 tiết)

I YÊU CẦU CẦN ĐẠT

– *Sau bài học, HS cần:*

+ Nêu được một số biểu hiện của bảo vệ của công.

+ Biết vì sao phải bảo vệ của công.

+ Có những việc làm cụ thể để bảo vệ của công.

+ Nhắc nhở mọi người giữ gìn, bảo vệ của công.

– *HS có cơ hội hình thành và phát triển:*

+ Năng lực chung: tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống liên quan tới việc bảo vệ của công.

+ Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, có thái độ, lời nói, việc làm bảo vệ của công ở trường, ở nơi công cộng,...

+ Phẩm chất trách nhiệm trong việc bảo vệ của công.

II ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SGK, SGV, Vở bài tập Đạo đức 4.

– Bộ tranh về *Bảo vệ của công* theo Thông tư 37/2021/TT-BGDĐT.

– Máy tính, máy chiếu, bài giảng PowerPoint (nếu có).

III CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động

Mục tiêu: Khai thác những trải nghiệm đã có của HS về việc bảo vệ của công, tạo tâm thế tích cực cho HS và kết nối vào bài học mới.

Cách tiến hành:

– GV cho HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi:

+ *Những tài sản nào trong các bức tranh được gọi là của công?*

+ *Hãy kể tên các tài sản là của công khác mà em biết.*

– Gợi ý:

+ Các tài sản được coi là của công: Trường học (hình 2), dụng cụ thể thao ngoài trời (hình 4), bàn ghế trong lớp học (hình 6), sân bóng (hình 7), sân và cột bóng rổ (hình 8).

+ Các tài sản là của công khác: Nhà văn hoá thôn/xã, thang máy của khu chung cư, ghế đá công viên,…

– HS chia sẻ ý kiến, các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV kết luận: Các tài sản phục vụ nhu cầu của nhiều người, được gọi là của công.

– GV dẫn dắt vào bài học mới.

2. Khám phá

Hoạt động 1 *Tìm hiểu một số biểu hiện của bảo vệ của công*

Mục tiêu: HS nêu được một số biểu hiện bảo vệ của công.

Cách tiến hành:

– GV hướng dẫn HS đọc nội dung các trường hợp và kết hợp quan sát tranh minh hoạ.

– GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm 4 và trả lời câu hỏi:

+ *Hãy nêu các biểu hiện bảo vệ của công.*

+ *Kể thêm những biểu hiện của bảo vệ của công mà em biết.*

– Gợi ý:

Trường hợp a: Không viết, vẽ lên bàn hoặc làm tổn hại tới các tài sản khác của trường, lớp, nhắc nhở các bạn cùng bảo vệ tài sản của lớp học.

Trường hợp b: Cùng chung tay giữ cho của công luôn sạch sẽ, bền đẹp.

Trường hợp c: Sử dụng cẩn thận các thiết bị và dụng cụ học tập môn Giáo dục thể chất của nhà trường và nhắc nhở các bạn cùng thực hiện.

Trường hợp d: Thực hiện theo hướng dẫn sử dụng của các tài sản chung, tránh gây quá tải dẫn đến hỏng.

– Các nhóm thảo luận dưới sự điều khiển của nhóm trưởng.

– GV tổ chức cho các nhóm trình bày kết quả thảo luận, nhận xét và bổ sung lẫn nhau (có thể mời mỗi thành viên trong nhóm trình bày về một trường hợp).

– GV nhận xét và kết luận: Chúng ta cần bảo vệ của công bằng các việc làm cụ thể như: không viết, vẽ lên của công; giữ gìn, bảo quản, sử dụng của công một cách cẩn thận; nhắc nhở, ngăn chặn các bạn có hành vi làm tổn hại tới của công,…

Hoạt động 2 *Khám phá vì sao phải bảo vệ của công*

Mục tiêu: HS giải thích được vì sao cần bảo vệ của công.

Cách tiến hành:

– GV kể hoặc mời HS đọc truyện "Ghế đá kêu đau".

– GV mời HS kể tóm tắt.

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi:

+ *Em có nhận xét gì về việc làm của các bạn học sinh đối với bộ bàn ghế đá? Việc làm đó gây ra hậu quả gì?*

+ *Theo em, vì sao phải bảo vệ của công?*

– Gợi ý:

+ Dùng vật nhọn để khắc lên bộ bàn ghế đá những hình thù kì quái, thậm chí dùng bút xoá để viết, vẽ những từ ngữ không đẹp là những việc làm rất đáng bị lên án. Những việc làm đó làm cho những chiếc bàn ghế bị sứt mẻ và trở nên xấu xí.

+ Cần bảo vệ của công vì điều đó thể hiện ý thức trách nhiệm và nếp sống văn minh của mỗi người. Bảo vệ của công giúp cho các tài sản chung luôn bền, đẹp và được sử dụng một cách dài lâu.

– GV nhận xét và kết luận: Của công là tài sản chung, phục vụ lợi ích của nhiều người trong một tập thể, cộng đồng. Do đó, chúng ta cần có ý thức bảo vệ của công để chúng luôn sạch sẽ, bền đẹp.

3. Luyện tập

Mục tiêu: Giúp HS củng cố kiến thức, biết bày tỏ thái độ, nhận xét hành vi, xử lí tình huống liên quan đến việc bảo vệ của công.

Cách tiến hành:

Bài tập 1. Bày tỏ ý kiến

*** Phương án 1:**

– GV mời một HS đóng vai là "Phóng viên nhí", đưa ra từng ý kiến hoặc hành vi và mời một số bạn trong lớp chia sẻ quan điểm (tán hành hay không tán thành và giải thích vì sao).

– HS bày tỏ ý kiến.

*** Phương án 2:**

– GV mời HS đọc từng ý kiến trong SGK.

– GV yêu cầu cả lớp bày tỏ thái độ tán thành hoặc không tán thành với từng ý kiến bằng cách giơ tay hoặc giơ thẻ.

– GV mời một vài HS giải thích vì sao em tán thành hoặc không tán thành.

– Gợi ý:

+ *Ý kiến của bạn Lâm*: Tán thành vì: Của công là tài sản chung phục vụ lợi ích chung của mọi người nên mỗi người cần có trách nhiệm bảo vệ và giữ gìn của công.

+ *Ý kiến của bạn Nga:* Không tán thành vì: Mỗi người cần sử dụng của công một cách cẩn thận, tránh gây hỏng hóc và tuân thủ các quy định chung.

+ *Ý kiến của bạn Phúc*: Không tán thành vì: Bảo vệ của công là trách nhiệm của tất cả mọi người.

+ *Ý kiến của bạn Trang:* Tán thành vì: Người biết bảo vệ của công là người có tinh thần trách nhiệm với mọi người xung quanh, góp phần xây dựng tập thể, cộng đồng văn minh, đoàn kết.

– GV nhận xét và kết luận: Tán thành với các ý kiến của bạn Lâm, Trang; không tán thành với các ý kiến của bạn Nga, Phúc.

Bài tập 2. Nhận xét hành vi

*** Phương án 1:**

– GV phổ biến luật chơi của trò chơi: "Ai đúng? Ai sai?".

– GV chia lớp thành các đội tương ứng với các dãy bàn, mỗi đội cử ra 6 thành viên tham gia trò chơi, HS còn lại ở mỗi đội đóng vai trò là cổ động viên cho đồng đội của mình. 6 thành viên có 5 phút quan sát nội dung tranh và thống nhất ý kiến.

– GV ghi số thứ tự của các bức tranh lên bảng theo hàng dọc vào giữa bảng, phân chia khu vực ghi bảng cho các đội.

– Thành viên các đội xếp thành hàng dọc, hướng về phía vị trí phần bảng của đội mình và lần lượt gắn mặt cười/mặt mếu tương ứng với số thứ tự của các tranh.

– GV nhận xét và tuyên dương đội hoàn thành phần chơi nhanh và chính xác nhất.

– GV mời một số HS nêu những việc nên làm và không nên làm theo từng bức tranh để thể hiện việc bảo vệ của công và giải thích.

*** Phương án 2:**

– GV yêu cầu HS quan sát và nhận diện nội dung tranh trong SGK.

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4 và trả lời câu hỏi:

Bạn nào biết bảo vệ của công, bạn nào chưa biết bảo vệ của công? Vì sao?

– Các nhóm độc lập thảo luận dưới sự điều khiển của nhóm trưởng.

– GV tổ chức cho các nhóm trình bày kết quả thảo luận, nhận xét và bổ sung cho nhau.

– Gợi ý:

+ Tranh 1: Bạn nam chưa biết bảo vệ của công (không tắt vòi nước sau khi sử dụng).

+ Tranh 2: Bạn nữ biết bảo vệ của công (đi vòng lối khác để gặp bạn, tránh giẫm lên cỏ ở công viên).

+ Tranh 3: Bạn nữ biết bảo vệ của công (nhắc em không vẽ lên bảng tin).

+ Tranh 4: Bạn nữ chưa biết bảo vệ của công (viết tên mình vào cuốn sách của thư viện).

+ Tranh 5: Hai bạn chưa biết bảo vệ của công (khắc chữ lên thân cây ở đình làng).

+ Tranh 6: Hai bạn chưa biết bảo vệ của công (đu bám lên khung thành ở sân bóng đá).

– GV nhận xét và kết luận: Các hành vi biết bảo vệ của công: Không giẫm lên cỏ ở công viên, không vẽ bậy lên bảng tin. Các hành vi chưa biết bảo vệ của công: Không tắt vòi nước sau khi sử dụng, viết vẽ lên sách của thư viện, khắc chữ lên thân cây, đu bám lên khung thành ở sân bóng đá.

Bài tập 3. Xử lí tình huống

– GV chia nhóm gồm 4 – 6 HS, cho các nhóm bốc thăm để lựa chọn tình huống.

– Các nhóm thảo luận, thống nhất đưa ra cách xử lí tình huống một cách phù hợp. Từ đó, xây dựng thành tiểu phẩm nhỏ, phân vai và tập đóng vai trong nhóm.

– GV mời một số nhóm lên đóng vai, các nhóm khác có thể nêu ý tưởng tiểu phẩm. Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

– Gợi ý:

+ Tình huống 1: Hiển nên nói với Lan rằng mặc dù đây không phải là quạt của nhà mình, nhưng mình vẫn phải có ý thức sử dụng cẩn thận, giúp tiết kiệm điện và quạt dùng được bền lâu.

+ Tình huống 2: Hậu nên nói với Long rằng cây xoài ở nhà văn hoá thôn là tài sản chung không nên tự ý hái quả làm của riêng.

+ Tình huống 3: Hải nên nói với em Loan rằng vườn hoa là tài sản chung, góp phần tạo cảnh quan đẹp để mọi người ngắm nhìn mỗi khi đến tham quan Hồ Gươm. Không ai được phép hái hoa vì như vậy sẽ làm cho vườn hoa không còn đẹp nữa.

– GV đánh giá chung và kết luận: Với mỗi tình huống, cần có cách xử lí phù hợp thể hiện ý thức bảo vệ của công.

Bài tập 4. Em sẽ làm gì nếu chứng kiến các hành vi dưới đây? Vì sao?

– GV mời HS đọc các trường hợp trong SGK.

– GV tổ chức cho HS trao đổi theo nhóm đôi để trả lời câu hỏi:

Em sẽ làm gì nếu chứng kiến các hành vi dưới đây? Vì sao?

– Đại diện một số nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– Gợi ý:

a. Nhắc bạn gỡ bã kẹo cao su ra khỏi ghế và lần sau không làm như vậy nữa. Vì làm như vậy sẽ làm cho chiếc ghế đá trở nên nhem nhuốc và xấu xí.

b. Nói với các bạn rằng các cây hoa này góp phần làm cho khuôn viên nhà văn hoá trở nên đẹp hơn. Vì vậy, các bạn không nên hái hoa mà hãy chăm sóc, bảo vệ chúng.

c. Nói với em nhỏ rằng em không nên làm như vậy vì vừa có thể khiến em bị ngã, vừa làm cho bức tượng bị bẩn, thậm chí bị sứt mẻ,...

d. Nhắc các bạn nên để các chậu hoa về chỗ cũ. Vì các chậu hoa không phải là tài sản cá nhân của các bạn, nếu làm đổ vỡ, các bạn sẽ phải chịu trách nhiệm trước tập thể lớp và nhà trường.

– GV đánh giá và kết luận: Cần khuyên bạn thực hiện những việc làm phù hợp để góp phần vào việc bảo vệ của công.

4. Vận dụng

Mục tiêu: HS thực hiện được các việc làm cụ thể để bảo vệ của công.

Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS chia sẻ nhóm đôi về những việc mà các em đã chứng kiến hoặc đã và sẽ làm để bảo vệ của công.

– GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm, tìm hiểu và nhận xét về ý thức bảo vệ tài sản trường, lớp của các bạn trong trường, để xuất các biện pháp để bảo vệ các tài sản đó và ghi lại vào phiếu.

(Lưu ý: GV nên phân công nhiệm vụ tìm hiểu cho các nhóm theo từng loại tài sản như bàn ghế lớp học, sách báo thư viện, dụng cụ thể dục ở nhà thể chất,… từ cuối tiết trước, hướng dẫn các nhóm quan sát và ghi chép kết quả vào phiếu để tiết sau trình bày trước lớp).

Thông điệp: GV chiếu/viết thông điệp lên bảng. HS quan sát trên bảng hoặc nhìn vào SGK để đọc.

ĐỊNH HƯỚNG ĐÁNH GIÁ

Qua hỏi – đáp và quan sát thái độ, hành động của HS để đánh giá trên các mức:

1. *Hoàn thành tốt*: Nêu được một số biểu hiện của bảo vệ của công; Biết vì sao phải bảo vệ của công; Có những việc làm cụ thể để bảo vệ của công; Nhắc nhở mọi người giữ gìn, bảo vệ của công.
2. *Hoàn thành*: Thực hiện được các yêu cầu cần đạt của bài nhưng chưa đầy đủ.
3. *Chưa hoàn thành:* Chưa thực hiện được một số yêu cầu cần đạt của bài.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Chủ đề 6 THIẾT LẬP VÀ DUY TRÌ QUAN HỆ BẠN BÈ

Bài 6 THIẾT LẬP QUAN HỆ BẠN BÈ (2 tiết)

I YÊU CẦU CẦN ĐẠT

– *Sau bài học, HS cần:*

+ Biết vì sao cần thiết lập quan hệ bạn bè.

+ Nhận biết được cách đơn giản để thiết lập quan hệ bạn bè.

+ Thiết lập được mối quan hệ bạn bè ở trường học và làng xóm, khối phố.

– *HS có cơ hội hình thành và phát triển:*

+ Năng lực chung: tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống liên quan tới việc thiết lập quan hệ bạn bè.

+ Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, có kĩ năng thiết lập quan hệ bạn bè.

+ Phẩm chất nhân ái, yêu mến, quý trọng bạn bè.

II ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SGK, SGV, Vở bài tập Đạo đức 4.

– Máy tính, máy chiếu, bài giảng PowerPoint (nếu có).

III CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động

Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS vào bài học và giúp HS có hiểu biết ban đầu về bài học mới.

Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS hát/nghe/xem video bài hát "Đến đây cùng chơi" (nhạc Anh, lời Việt: Đào Ngọc Dung).

– GV đặt câu hỏi: *Em có cảm nghĩ gì về lời mời gọi của các bạn trong bài hát?*

– GV mời một số HS trả lời.

– HS trả lời, các bạn khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét: Lời mời gọi của các bạn trong bài hát rất gần gũi, thân thiện *"Bạn thân yêu ơi! Hãy đến đây cùng chơi..."* và dẫn dắt vào bài mới.

2. Khám phá

Hoạt động 1 *Khám phá vì sao cần thiết lập quan hệ bạn bè*

Mục tiêu: HS biết được vì sao cần thiết lập quan hệ bạn bè.

Cách tiến hành:

– GV kể hoặc HS đọc diễn cảm câu chuyện "Người bạn mới".

– GV mời một vài HS đọc/kể tóm tắt câu chuyện.

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi:

+ *Em có nhận xét gì về việc làm của Mác dành cho người bạn mới của mình? Cuộc gặp gỡ đã mang lại cho hai bạn điều gì?*

+ *Theo em, vì sao chúng ta cần thiết lập quan hệ bạn bè?*

– Gợi ý:

+ Mác là một người bạn thân thiện, tốt bụng, sẵn sàng giúp đỡ bạn khi thấy bạn gặp khó khăn. Cuộc gặp gỡ đã mang đến sự khởi đầu cho một tình bạn đẹp và dài lâu giữa Mác và người bạn mới.

+ Chúng ta cần thiết lập quan hệ bạn bè vì điều đó sẽ giúp chúng ta có thêm những người bạn mới để cùng chơi, cùng trò chuyện và chia sẻ niềm vui, nỗi buồn với nhau.

– GV nhận xét và kết luận: Trong cuộc sống, ai cùng cần có những người bạn để cùng nhau sẻ chia buồn, vui trong cuộc sống. Thiết lập quan hệ bạn bè sẽ giúp chúng ta có những người bạn như thế.

Hoạt động 2 *Tìm hiểu cách thiết lập quan hệ bạn bè*

Mục tiêu: HS nêu được các cách để thiết lập quan hệ bạn bè.

Cách tiến hành:

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân: Quan sát tranh trong SGK và nhận diện nội dung tranh.

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4, trả lời câu hỏi:

+ *Các bạn trong mỗi tranh đã làm gì để thiết lập quan hệ bạn bè?*

+ *Theo em, còn có cách nào khác để thiết lập quan hệ bạn bè?*

– GV tổ chức cho các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

– Đại diện các nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét và bổ sung (có thể mời mỗi thành viên trong nhóm trình bày về một tranh).

– Gợi ý:

Tranh 1: Bạn nam giới thiệu bản thân và thể hiện mong muốn được làm quen với bạn nữ.

Tranh 2: Bạn nữ thể hiện sự quan tâm và chia sẻ với bạn qua việc mời bạn cùng che chung ô khi trời mưa mà bạn quên không mang ô.

Tranh 3: Bạn nam chủ động đề nghị được tham gia đá bóng cùng các bạn.

Tranh 4: Bạn nữ chia sẻ sở thích của mình với bạn.

– GV nhận xét và kết luận: Để thiết lập quan hệ bạn bè, chúng ta cần giới thiệu bản thân; chủ động thể hiện mong muốn làm quen và chơi cùng bạn; thể hiện sự quan tâm tới bạn; chia sẻ sở thích chung với bạn; luôn thể hiện thái độ thân thiện, cởi mở,…

3. Luyện tập

Mục tiêu: Giúp HS củng cố kiến thức, biết bày tỏ thái độ, nhận xét hành vi, xử lí tình huống liên quan đến việc thiết lập quan hệ bạn bè.

Cách tiến hành:

Bài tập 1. Lựa chọn cách phù hợp để thiết lập quan hệ bạn bè

– GV giới thiệu trò chơi "Bạn chọn cách nào?".

– GV chia lớp thành các đội tương ứng với các dãy bàn, mỗi đội cử ra 6 thành viên tham gia trò chơi tiếp sức, HS còn lại ở mỗi đội đóng vai trò là cổ động viên cho đồng đội của mình. 6 thành viên có 5 phút quan sát nội dung tranh và thống nhất ý kiến.

– GV ghi các cách thiết lập quan hệ bạn bè vào bảng phụ.

a. Tự giới thiệu bản thân và hỏi tên bạn.

b. Luôn thể hiện thái độ vui vẻ, cởi mở.

c. Chỉ trò chuyện với người quen khi đến môi trường mới.

d. Giao tiếp bằng mắt và mỉm cười khi trò chuyện.

e. Liên tục kể với bạn về bản thân mình.

g. Thể hiện sự quan tâm và chia sẻ sở thích của mình với bạn.

h. Luôn tỏ ra mình là người thông minh, tài giỏi.

– Gắn bảng phụ vào khoảng giữa bảng, phân chia khu vực ghi bảng cho các đội.

– Thành viên các đội xếp thành hàng dọc, hướng về phía vị trí phần bảng của đội mình và lần lượt gắn mặt cười/mặt mếu tương ứng với số thứ tự của các tranh.

– GV nhận xét và tuyên dương đội hoàn thành phần chơi nhanh và chính xác nhất.

– GV mời một số HS nêu các cách phù hợp để thiết lập quan hệ bạn bè và giải thích về sự lựa chọn của mình.

– Gợi ý:

Các cách phù hợp để thiết lập quan hệ bạn bè:

a. Tự tin giới thiệu bản thân và hỏi tên bạn. Điều này thể hiện mong muốn được biết và làm quen với bạn.

b. Luôn thể hiện thái độ vui vẻ, cởi mở. Thái độ vui vẻ, cởi mở sẽ tạo cho bạn cảm giác mình là người thân thiện, dễ gần.

c. Giao tiếp bằng mắt và mỉm cười khi trò chuyện. Điều này cho bạn thấy mình đang tập trung và thích thú với cuộc trò chuyện.

d. Thể hiện sự quan tâm và chia sẻ sở thích của mình với bạn. Điều này sẽ giúp bạn hiểu hơn về mình và có thể tìm thấy điểm chung với mình.

– GV nhận xét và kết luận: Để thiết lập quan hệ bạn bè, chúng ta nên: tự tin giới thiệu bản thân và hỏi tên bạn, luôn thể hiện thái độ vui vẻ và cởi mở, giao tiếp bằng mắt và mỉm cười khi trò chuyện, thể hiện sự quan tâm và chia sẻ sở thích của mình với bạn; không nên: chỉ trò chuyện với người quen khi đến môi trường mới, liên tục kể với bạn về bản thân mình, luôn tỏ ra mình là người thông minh, tài giỏi.

Bài tập 2. Nhận xét thái độ, hành vi

– GV nêu yêu cầu và hướng dẫn học sinh phân tích các trường hợp trong SGK.

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4 và nhận xét thái độ, hành vi của các bạn trong các trường hợp.

– Các nhóm độc lập thảo luận dưới sự điều khiển của nhóm trưởng.

– GV tổ chức cho các nhóm trình bày kết quả thảo luận, nhận xét và bổ sung lẫn nhau.

– Gợi ý:

+ Trường hợp a: Bạn Linh khó thiết lập quan hệ bạn bè do chưa thân thiện, hoà đồng với các bạn trong cùng chuyến đi.

+ Trường hợp b: Với việc chủ động làm quen và bắt chuyện, bạn Tuấn đã biết cách thiết lập quan hệ bạn bè khi đến với một môi trường mới.

+ Trường hợp c: Tâm tỏ ra dè dặt và thiếu chủ động trong việc làm quen, kết bạn với con gái cô Hoa.

+ Trường hợp d: Mặc dù là thành viên mới nhưng Thanh đã biết cách thiết lập quan hệ bạn bè với các bạn trong câu lạc bộ bóng đá bằng cách tự tin giới thiệu bản thân và trò chuyện về chủ đề yêu thích cùng các bạn.

– GV nhận xét và kết luận: Chúng ta nên chủ động làm quen, tự tin giới thiệu bản thân và trò chuyện cởi mở cùng các bạn như bạn Tuấn và bạn Thanh để có thêm những người bạn mới. Không nên thiếu hoà đồng hoặc tỏ ra dè dặt, nhút nhát như bạn Linh và bạn Tâm trong hai trường hợp còn lại.

Bài tập 3. Em đồng tình hay không đồng tình với những ý kiến nào? Vì sao?

– GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, đọc các ý kiến trong SGK và bày tỏ thái độ.

– GV yêu cầu HS chia sẻ kết quả thảo luận.

– GV nhận xét, kết luận: Đồng tình với ý kiến b và d, không đồng tình với ý kiến a và c.

Bài tập 4: Đưa ra lời khuyên cho bạn

– GV mời HS đọc tình huống trong SGK.

– GV chia nhóm 4 – 6 HS và giao nhiệm vụ: Các nhóm chẵn đóng vai theo nội dung tình huống a, các nhóm lẻ đóng vai theo nội dung tình huống b.

– Các nhóm thảo luận, thống nhất đưa ra cách xử lí tình huống một cách phù hợp. Từ đó, xây dựng thành tiểu phẩm nhỏ, phân vai và tập đóng vai trong nhóm.

– GV mời một số nhóm lên đóng vai, các nhóm khác có thể nêu ý tưởng tiểu phẩm. Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

– Gợi ý:

+ Tình huống a: Khuyên Lan đừng buồn vì bạn vẫn có thể tìm cách liên lạc và chia sẻ buồn vui với My bằng nhiều cách khác nhau như qua thư và điện thoại. Ngoài ra, Lan nên vui vẻ, lạc quan và chủ động trò chuyện, vui chơi với các bạn trong lớp để có thêm những người bạn mới.

+ Tình huống b: Thái nên đồng ý với đề nghị của mẹ để vừa có thêm một người bạn mới có cùng sở thích, vừa được thường xuyên chơi cờ vua cùng bạn.

– GV nhận xét và kết luận: Với mỗi tình huống, cần đưa ra lời khuyên phù hợp để giúp bạn có thể dễ dàng thiết lập những mối quan hệ với những người bạn mới.

4. Vận dụng

Mục tiêu: HS thực hiện được các cách phù hợp để thiết lập quan hệ bạn bè.

Cách tiến hành:

– GV đặt vấn đề để HS chia sẻ, trao đổi:

+ *Hãy chia sẻ những việc mà em đã và sẽ làm để thiết lập quan hệ với những người bạn mới.*

+ *Em hãy vẽ hoặc viết về bản thân để tự giới thiệu với những người bạn mới.*

– Hướng dẫn HS viết, vẽ một bản thông tin để mô tả hoặc giới thiệu ngắn gọn về bản thân và thực hành các bước làm quen với những người bạn mới (chào hỏi và nở nụ cười thân thiện, giới thiệu bản thân, hỏi thăm về bạn,…).

Thông điệp: GV chiếu/viết thông điệp lên bảng. HS quan sát trên bảng hoặc nhìn vào SGK để đọc.

ĐỊNH HƯỚNG ĐÁNH GIÁ

Qua hỏi – đáp và quan sát thái độ, hành động của HS để đánh giá trên các mức:

1. *Hoàn thành tốt:* Biết vì sao cần thiết lập quan hệ bạn bè; Nhận biết được cách đơn giản để thiết lập quan hệ bạn bè; Thiết lập được mối quan hệ bạn bè ở trường học và làng xóm, khối phố.
2. *Hoàn thành*: Thực hiện được các yêu cầu cần đạt của bài nhưng chưa đầy đủ.
3. *Chưa hoàn thành:* Chưa thực hiện được một số yêu cầu cần đạt của bài.

Bài 7 DUY TRÌ QUAN HỆ BẠN BÈ (3 tiết)

I YÊU CẦU CẦN ĐẠT

– *Sau bài học, HS cần:*

+ Biết vì sao phải duy trì quan hệ bạn bè.

+ Nhận biết được cách đơn giản để duy trì quan hệ bạn bè.

+ Có quan hệ tốt với bạn bè ở trường học và làng xóm, khối phố.

– *HS có cơ hội hình thành và phát triển*:

+ Năng lực chung: tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống liên quan tới việc duy trì quan hệ bạn bè.

+ Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, có kĩ năng duy trì quan hệ bạn bè.

+ Phẩm chất nhân ái, trách nhiệm trong mối quan hệ bạn bè.

II ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SGK, SGV, Vở bài tập Đạo đức 4.

– Máy tính, máy chiếu, bài giảng PowerPoint (nếu có).

III CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động

Mục tiêu: Khai thác những trải nghiệm đã có của HS về việc duy trì quan hệ bạn bè, tạo tâm thế tích cực và kết nối vào bài học mới.

Cách tiến hành:

– GV nêu vấn đề:

+ *Em hãy chia sẻ vài điều (về tính cách, sở thích,...) của người bạn mà em yêu quý nhất.*

– Một số HS chia sẻ, các bạn khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét, kết luận để dẫn dắt vào bài mới.

2. Khám phá

Hoạt động 1 *Khám phá vì sao cần giữ gìn tình bạn*

Mục tiêu: HS giải thích được vì sao cần duy trì quan hệ bạn bè.

Cách tiến hành:

– GV kể hoặc HS đọc diễn cảm câu chuyện "Cô chủ không biết quý tình bạn".

– GV mời một vài HS đọc/kể tóm tắt câu chuyện.

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi:

+ *Em có nhận xét gì về cách ứng xử của cô chủ đối với những người bạn của mình? Cuối cùng, điều gì đã xảy đến với cô bé?*

+ *Em rút ra được bài học gì từ câu chuyện trên?*

+ *Theo em, vì sao chúng ta cần giữ gìn tình bạn?*

Gợi ý:

+ Cô chủ sẵn sàng đổi những vật nuôi mà mình coi như bạn lấy những con vật khác. Điều này thể hiện cô không biết quý trọng tình bạn. Cuối cùng, cô không còn người bạn nào ở bên.

+ Bài học rút ra: Cần quý trọng tình bạn, nếu không biết trân trọng thì những người bạn ấy sẽ rời xa chúng ta.

+ Cần giữ gìn và duy trì quan hệ bạn bè bởi nhờ đó tình bạn mới luôn tồn tại dài lâu và lúc nào chúng ta cũng sẽ có những người bạn tốt bên cạnh để cùng nhau sẻ chia những niềm vui, nỗi buồn trong cuộc sống.

– GV nhận xét và kết luận: Ai cũng cần có những người bạn tốt để cùng trò chuyện, sẻ chia, giúp nhân lên niềm vui và làm vơi đi những nỗi buồn phiền trong cuộc sống. Vì vậy, mỗi người cần biết giữ gìn và duy trì tình bạn.

Hoạt động 2 *Tìm hiểu cách để duy trì quan hệ bạn bè.*

Mục tiêu: HS nêu được các cách đơn giản để duy trì quan hệ bạn bè.

Cách tiến hành:

Phương án 1:

– GV hướng dẫn HS đọc các cách để giữ gìn tình bạn trong SGK.

– Tổ chức cho HS làm việc theo nhóm 4 và trả lời câu hỏi:

+ *Em sẽ chọn từ khoá nào để tạo thành bông hoa tình bạn?*

+ *Theo em, còn những cách nào khác để duy trì quan hệ bạn bè?*

– GV tổ chức cho các nhóm trình bày kết quả thảo luận, nhận xét và bổ sung lẫn nhau.

– Gợi ý:

+ Các từ khoá cần lựa chọn để tạo thành bông hoa tình bạn: Tôn trọng, chia sẻ, giúp đỡ, động viên, khích lệ, quan tâm,…

+ Để duy trì và giữ gìn tình bạn luôn bền chặt, chúng ta cần tôn trọng bạn, kể cả khi bạn có những điều khác biệt với mình; luôn chia sẻ niềm vui, nỗi buồn cùng bạn; sẵn sàng giúp đỡ khi bạn gặp khó khăn; động viên, khích lệ để bạn không ngừng cố gắng; quan tâm đến thói quen, sở thích của bạn,…

Phương án 2:

– GV phổ biến trò chơi "Ghép hoa": Chia lớp thành 2 – 4 đội, mỗi đội cử ra 5 thành viên để tham gia chơi. Bằng hình thức tiếp sức, các thành viên lần lượt lựa chọn các cánh hoa ghi các từ khoá tương ứng với các cách duy trì tình bạn để gắn vào nhuỵ hoa trên phần bảng của đội mình.

Lưu ý: GV chuẩn bị số lượng cánh hoa phù hợp với số đội, có thể bổ sung những cánh hoa ghi các từ khoá không phù hợp để gây "nhiễu" và tạo độ khó cho trò chơi (ví dụ: chế giễu, ích kỉ, đố kị,…).

– GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi.

– GV nhận xét, tuyên dương các đội chơi.

– GV đặt câu hỏi cho HS để dẫn dắt đến kết luận của hoạt động (Tham khảo câu hỏi và gợi ý trả lời ở phương án 1).

3. Luyện tập

Mục tiêu: Giúp HS củng cố kiến thức, biết bày tỏ thái độ, nhận xét hành vi, xử lí tình huống liên quan đến việc duy trì quan hệ bạn bè.

Cách tiến hành:

Bài tập 1. Lựa chọn cách phù hợp để duy trì quan hệ bạn bè

– GV giới thiệu trò chơi "Bạn chọn cách nào?".

– GV chia lớp thành các đội tương ứng với các dãy bàn, mỗi đội cử ra 6 thành viên tham gia trò chơi Tiếp sức, HS còn lại ở mỗi đội đóng vai trò là cổ động viên cho đồng đội của mình. 6 thành viên có 5 phút quan sát nội dung tranh và thống nhất ý kiến.

– GV ghi các cách thiết lập quan hệ bạn bè vào bảng phụ.

a. Tỏ ra không hài lòng khi bạn kết thân với người khác.

b. Rủ bạn cùng tham gia các trò chơi.

c. Luôn bênh vực bạn trong mọi trường hợp.

d. Thường xuyên trò chuyện với bạn.

e. Kể bí mật của bạn cho người khác biết.

g. Luôn ở bên khi bạn cần động viên, an ủi.

– GV gắn bảng phụ vào khoảng giữa bảng, phân chia khu vực ghi bảng cho các đội.

– Thành viên các đội xếp thành hàng dọc, hướng về phía vị trí phần bảng của đội mình và lần lượt gắn mặt cười/mặt mếu tương ứng với số thứ tự của các tranh.

– GV nhận xét và tuyên dương đội hoàn thành phần chơi nhanh và chính xác nhất.

– GV mời một số HS nêu các cách phù hợp để duy trì quan hệ bạn bè và giải thích về sự lựa chọn của mình.

– Gợi ý các cách phù hợp để duy trì quan hệ bạn bè:

b. Rủ bạn cùng tham gia các trò chơi. Cùng chơi với bạn sẽ giúp cho tình bạn trở nên gắn bó, thân thiết hơn.

d. Thường xuyên trò chuyện với bạn. Trò chuyện là cách giúp những người bạn ngày càng hiểu nhau hơn.

g. Luôn ở bên khi bạn cần động viên, an ủi. Điều này sẽ giúp bạn cảm thấy ấm áp và vui vẻ hơn.

– GV nhận xét và kết luận: Để duy trì quan hệ bạn bè, chúng ta nên: Rủ bạn cùng tham gia các trò chơi, thường xuyên trò chuyện với bạn, luôn ở bên khi bạn cần động viên, an ủi; không nên: tỏ ra không hài lòng khi bạn kết thân với người khác, luôn bênh vực bạn trong mọi trường hợp, kể bí mật của bạn cho người khác biết.

Bài tập 2. Nhận xét hành vi

– GV yêu cầu HS quan sát và nhận diện nội dung tranh trong SGK.

– GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm 4, đưa ra nhận xét:

Bạn nào có hành vi phù hợp để duy trì quan hệ bạn bè? Bạn nào có hành vi chưa phù hợp?

– Các nhóm độc lập thảo luận dưới sự điều khiển của nhóm trưởng.

– GV tổ chức cho các nhóm trình bày kết quả thảo luận, nhận xét và bổ sung lẫn nhau.

– Gợi ý:

+ Tranh 1: Bạn nữ có hành vi phù hợp để duy trì tình bạn, đó là động viên, khích lệ để bạn cố gắng biểu diễn thành công tiết mục văn nghệ trước toàn trường.
+ Tranh 2: Bạn nữ có hành vi phù hợp để duy trì tình bạn, đó là hỏi thăm, giúp đỡ bạn khi bạn bị ốm.
+ Tranh 3: Bạn nữ có hành vi chưa phù hợp vì thể hiện sự ích kỉ khi không muốn bạn của mình chơi với người khác.
+ Tranh 4: Bạn nam đã có hành động phù hợp, đó là biết bảo vệ bạn khi bạn bị bắt nạt.

– GV nhận xét và kết luận: Cần học tập các bạn trong tranh 1, tranh 2 và tranh 4 (động viên, khích lệ để bạn tự tin hơn; hỏi thăm, giúp đỡ bạn khi bạn bị ốm; bảo vệ bạn khi bạn bị bắt nạt); không nên làm theo bạn ở tranh 3 (tỏ thái độ ích kỉ, không thích bạn của mình chơi với người khác).

Bài tập 3. Đưa ra lời khuyên cho bạn

– GV mời HS nhận diện nội dung tình huống trong SGK.

– Chia nhóm và giao nhiệm vụ: Các nhóm chẵn thảo luận, đưa ra lời khuyên cho bạn ở tình huống 1; các nhóm lẻ thảo luận theo nội dung tình huống 2.

– Các nhóm thảo luận và đại diện một số nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– Gợi ý:

+ Tình huống 1: Khuyên bạn xin thông tin địa chỉ, số điện thoại của Vân để giữ mối liên hệ khi Vân chuyển đến nơi ở mới. Khi đó, hai bạn vẫn duy trì được tình bạn mặc dù không ở gần nhau như trước.
+ Tình huống 2: Bạn nam không nên đưa ra đề nghị như vậy đối với bạn nữ vì sẽ khiến bạn nữ cảm thấy khó xử. Hơn nữa, bao che cho lỗi sai của bạn không phải là việc làm phù hợp để duy trì tình bạn.

– GV nhận xét và kết luận: Với mỗi tình huống, nên khuyên bạn có thái độ, hành vi phù hợp để giữ gìn và duy trì tình bạn luôn tốt đẹp và dài lâu.

Bài tập 4. Xây dựng kịch bản, sắm vai xử lí tình huống

– GV chia nhóm và giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm xây dựng kịch bản đóng vai thể hiện nội dung và cách xử lí phù hợp theo một trong các tình huống gợi ý trong SGK.

– Các nhóm thảo luận, xây dựng kịch bản (gồm bối cảnh, tên nhân vật, lời thoại của nhân vật), phân vai và tập đóng vai trong nhóm.

– GV mời một số nhóm lên đóng vai, một số nhóm khác có thể chia sẻ ý tưởng kịch bản. Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

– GV nhận xét, khen ngợi sự thể hiện của các nhóm.

4. Vận dụng

Mục tiêu: HS thực hiện được các cách phù hợp để duy trì quan hệ bạn bè.

Cách tiến hành:

– GV tổ chức cho HS kể một tình bạn đẹp của bản thân hoặc của các bạn khác mà em biết; chia sẻ về những việc đã làm để duy trì tình bạn.

– GV tổ chức cho HS thảo luận về việc xây dựng bộ quy tắc ứng xử với bạn bè.

– GV tổ chức cho HS trình bày kết quả sưu tầm các câu ca dao, tục ngữ, danh ngôn hoặc các câu thơ nói về tình bạn.

Thông điệp: GV chiếu/viết thông điệp lên bảng. HS quan sát trên bảng hoặc nhìn vào SGK để đọc.

ĐỊNH HƯỚNG ĐÁNH GIÁ

Qua hỏi – đáp và quan sát thái độ, hành động của HS để đánh giá trên các mức:

1. *Hoàn thành tốt*: Biết vì sao phải duy trì quan hệ bạn bè; Nhận biết được cách đơn giản để duy trì quan hệ bạn bè; Có quan hệ tốt với bạn bè ở trường học và làng xóm, khối phố.

2. *Hoàn thành*: Thực hiện được các yêu cầu cần đạt của bài nhưng chưa đầy đủ.

3. *Chưa hoàn thành:* Chưa thực hiện được một số yêu cầu cần đạt của bài.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Chủ đề 7 QUÝ TRỌNG ĐỒNG TIỀN

Bài 8 QUÝ TRỌNG ĐỒNG TIỀN (4 tiết)

I YÊU CẦU CẦN ĐẠT

– *Sau bài học này, HS cần:*

+ Nêu được vai trò của tiền.

+ Biết vì sao phải quý trọng đồng tiền.

+ Biết bảo quản và tiết kiệm tiền; mua sắm quần áo, đồ dùng, đồ chơi, quà bánh,… đúng mức, phù hợp với hoàn cảnh gia đình.

+ Nhắc nhở bạn bè chi tiêu tiết kiệm.

– *HS có cơ hội hình thành và phát triển:*

+ Năng lực chung: tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống liên quan tới việc bảo quản và tiết kiệm tiền.

+ Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, thực hiện được những việc làm phù hợp với lứa tuổi thể hiện sự quý trọng đồng tiền.

+ Phẩm chất trách nhiệm trong bảo quản và tiết kiệm tiền.

II ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SGK, SGV, Vở bài tập Đạo đức 4.

– Bộ thẻ về *Mệnh giá các đồng tiền Việt Nam* theo Thông tư 37/2021-TT/BGDĐT.

– Bài hát "Con heo đất" (sáng tác: Ngọc Lễ), ca dao, tục ngữ gắn với chủ đề "Quý trọng đồng tiền".

– Máy chiếu, máy tính bài giảng PowerPoint (nếu có) và thẻ bày tỏ thái độ, phiếu học tập, sticker,…

III CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động

Mục tiêu: Tạo tâm thế, hứng thú học tập cho HS để dẫn vào bài mới.

Cách tiến hành:

– GV cho HS nghe/xem video/hát bài "Con heo đất" (sáng tác: Ngọc Lễ) và trả lời câu hỏi: *Bạn nhỏ trong bài hát đã làm gì? Việc làm đó có tác dụng gì?*

– HS thực hiện nhiệm vụ.

– GV mời một số HS trả lời câu hỏi, các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).

– GV nhận xét, kết luận và dẫn vào bài mới: Bạn nhỏ trong bài hát đã dành tiền để nuôi heo đất (lợn đất). Việc làm đó giúp bạn tiết kiệm tiền để làm những việc có ích sau này. Việc làm của bạn nhỏ nhắc nhở chúng ta phải biết quý trọng đồng tiền, bảo quản và tiết kiệm tiền.

2. Khám phá

Hoạt động 1 *Tìm hiểu vai trò của tiền*

Mục tiêu: HS nêu được vai trò của tiền.

Cách tiến hành:

– GV hướng dẫn HS quan sát tranh trong SGK và trả lời câu hỏi: *Hãy nêu vai trò của tiền qua các bức tranh trên.*

– HS thực hiện nhiệm vụ.

– GV mời một số HS trả lời câu hỏi, các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).

– GV nhận xét, kết luận:

+ Tranh 1: Tiền để mua bán hàng hoá (Bác nông dân bán rau, củ, quả lấy tiền mua xe đạp cho con).

+ Tranh 2: Nhờ có tiền, ngân hàng mới có thể cho người dân, doanh nghiệp vay vốn để đầu tư sản xuất, kinh doanh.

+ Tranh 3: Tiền tiết kiệm để mua sách vở, vật dụng cần thiết phục vụ cho cuộc sống.

+ Tranh 4: Tiền để đóng viện phí chữa bệnh.

+ Tranh 5: Tiền để mua quà tặng người thân, giúp đỡ người gặp khó khăn.

– Bằng kĩ thuật Tia chớp, GV tiếp tục hướng dẫn HS trả lời câu hỏi: *Theo em, tiền còn có vai trò nào khác?*

– HS suy nghĩ, trả lời nhanh.

– GV nhận xét, kết luận: Tiền để mua bán hàng hoá, dịch vụ phục vụ cho nhu cầu của con người; tiết kiệm gửi ngân hàng để dự phòng cho những việc cần nhiều tiền trong tương lai; tiền để giúp đỡ những người gặp khó khăn;…

Hoạt động 2 *Khám phá vì sao phải quý trọng đồng tiền*

Mục tiêu: HS giải thích được vì sao phải quý trọng đồng tiền.

Cách tiến hành:

– GV hướng dẫn HS đọc truyện "Hũ bạc của người cha" sau đó kể lại chuyện và trả lời câu hỏi:

+ *Vì sao lần thứ nhất, người con lại thản nhiên khi thấy người cha ném tiền xuống ao?*

+ *Lần thứ hai, khi thấy người cha ném tiền vào lửa, người con đã làm gì? Vì sao?*

+ *Theo em, vì sao chúng ta phải quý trọng đồng tiền?*

– HS thực hiện nhiệm vụ:

+ Câu 1: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ nhanh để trả lời câu hỏi (kĩ thuật Tia chớp).

+ Câu 2: HS thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi.

+ Câu 3: HS thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi.

– GV mời HS trả lời câu hỏi. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).

– GV nhận xét, kết luận:

+ Lần thứ nhất, người con thản nhiên khi thấy người cha ném tiền xuống ao là bởi vì đó không phải là tiền do anh ta làm ra nên anh không biết quý trọng đồng tiền.

+ Lần thứ hai, khi thấy người cha ném tiền vào lửa, người con đã bất chấp lửa nóng, vội đưa tay vào bếp lấy tiền ra. Anh làm thế bởi vì đó là những đồng tiền do anh vất vả làm ra nên anh tiếc, quý trọng.

+ Chúng ta phải quý trọng đồng tiền bởi vì tiền do công sức và trí tuệ của con người tạo ra.

Hoạt động 3 *Tìm hiểu cách bảo quản tiền*

Mục tiêu: HS biết bảo quản tiền đúng cách.

Cách tiến hành:

– GV hướng dẫn HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: *Các bạn trong tranh đã bảo quản tiền như thế nào?*

– HS thực hiện nhiệm vụ.

– GV mời một vài HS trả lời câu hỏi, các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).

– GV nhận xét, kết luận:

+ Tranh 1: Bạn nhỏ đã đếm tiền, phân loại tiền và xếp tiền vào hộp giúp mẹ.

+ Tranh 2: Bạn nhỏ dán lại tiền rách.

+ Tranh 3: Bạn nhỏ giữ tiền cẩn thận, không để mất tiền.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

– GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi: *Theo em, còn có cách nào khác để bảo quản tiền?*

– HS thực hiện nhiệm vụ.

– GV mời một vài HS trả lời câu hỏi, các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).

– GV nhận xét, kết luận: Ngoài những cách như trên, còn có một số cách bảo quản tiền như: vuốt phẳng phiu tiền, không làm tiền ướt, không vo tiền làm nhàu nát,…

Hoạt động 4 *Tìm hiểu cách tiết kiệm tiền*

Mục tiêu: HS biết cách tiết kiệm tiền: mua sắm quần áo, đồ dùng, đồ chơi, quà bánh,… đúng mức, phù hợp với hoàn cảnh gia đình.

Cách tiến hành:

– GV hướng dẫn HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: *Hãy nêu những việc làm để tiết kiệm tiền qua những bức tranh.*

– HS thực hiện nhiệm vụ.

– GV mời một vài HS trả lời câu hỏi, các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).

– GV nhận xét, kết luận: Có một số cách để tiết kiệm tiền:

+ Tranh 1: Tiết kiệm điện.

+ Tranh 2: Nuôi lợn đất.

+ Tranh 3: Mua đồ vừa phải, không đắt tiền.

+ Tranh 4: So sánh giá cả ở các cửa hàng để mua hàng cùng loại, cùng chất lượng nhưng giá rẻ hơn.

– GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi: *Theo em, còn có cách nào khác để tiết kiệm tiền?*

– HS thực hiện nhiệm vụ.

– GV mời một vài HS trả lời câu hỏi, các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).

– GV nhận xét, kết luận: Ngoài những cách trên, có một số cách khác để tiết kiệm tiền: tiết kiệm thức ăn, đồ dùng cá nhân; nhờ bố mẹ gửi tiền vào ngân hàng; mặc cả khi mua hàng; chỉ mua những hàng hoá thực sự cần thiết;…

3. Luyện tập

Mục tiêu: Giúp HS củng cố kiến thức, rèn kĩ năng bảo quản, tiết kiệm tiền.

Cách tiến hành:

Bài tập 1. Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến của bạn nào? Vì sao?

– GV quy ước cách bày tỏ ý kiến bằng thẻ xanh/thẻ đỏ hoặc thẻ mặt cười/mặt mếu,…

– GV mời 4 cặp đôi đóng vai Trung – Kiên, Yến – Hà, Phú – Hoàn, Thuỷ – Linh; lần lượt từng cặp đôi nêu ý kiến tranh biện trước lớp. Với mỗi cặp ý kiến, GV (hoặc HS đóng vai) mời HS giơ thẻ bày tỏ thái độ của mình và giải thích lí do.

– HS bày tỏ ý kiến qua thẻ và giải thích cho sự lựa chọn của mình.

– GV nhận xét, kết luận: đồng tình với ý kiến của Kiên, Hà, Hoàn, Thuỷ; không đồng tình với ý kiến của Trung, Yến, Phú, Linh.

Bài tập 2. Bày tỏ ý kiến

– GV tổ chức cho HS làm việc nhóm đôi, đọc từng trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi: *Em tán thành việc làm của bạn nào? Không tán thành việc làm của bạn nào? Vì sao?*

– HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, hỗ trợ, hướng dẫn HS khi cần thiết.

– GV mời đại diện mỗi nhóm lên trình bày về 1 trường hợp. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung hoặc đặt câu hỏi cho nhóm bạn.

– GV nhận xét, kết luận:

+ Tán thành với việc làm của Thảo (biết quản lí tiền), Lan (biết tiết kiệm đồ dùng, đó cũng là một cách tiết kiệm tiền), Chung (biết giúp mẹ bảo quản tiền và biết cách tiết kiệm tiền).

+ Không tán thành với việc làm của Hoàng (tiết kiệm tiền nhưng "không chi tiêu vào bất kì việc gì" là không nên vì tiền là để chi tiêu vào những việc hợp lí), Phương (không nên đòi bố mẹ mua cho mình quần áo và đồ dùng đắt tiền).

Bài tập 3. Xử lí tình huống

– GV hướng dẫn HS đọc tình huống trong SGK, thảo luận nhóm 4 để đưa ra cách xử lí tình huống.

– HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, hỗ trợ, hướng dẫn HS khi cần thiết.

– GV mời đại diện mỗi nhóm lên trình bày về cách xử lí 1 tình huống. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung hoặc đặt câu hỏi cho nhóm bạn.

– GV nhận xét, gợi ý cách xử lí tình huống:

+ Tình huống a: Có một số cách khác nhau: 1/ Nếu món đồ mà Toàn thích rất cần cho cuộc sống hằng ngày của Toàn và số tiền mừng tuổi đủ để mua món đồ đó thì bạn nên xin phép bố mẹ được mua món đồ đó; 2/ Nếu món đồ mà Toàn thích không thực sự cần cho cuộc sống hằng ngày của Toàn mà lại là món đồ đắt tiền thì Toàn không nên mua mà hãy gửi tiền nhờ bố mẹ giữ giúp hoặc nuôi lợn đất,…

– GV nên để HS bày tỏ cách lựa chọn của mình và HS khác nhận xét về cách lựa chọn đó. Nếu cách lựa chọn của HS không hợp lí, GV nên phân tích, định hướng để các em có sự lựa chọn lại.

+ Tình huống b: Có thể đưa ra các phương án khác nhau song Kim chỉ nên mua những gì trong giới hạn 200 000 đồng.

Bài tập 4. Đưa ra lời khuyên cho bạn

– GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 4: Xây dựng kịch bản, đóng vai để đưa ra lời khuyên cho bạn. Mỗi nhóm đóng vai một tình huống.

– HS thực hiện nhiệm vụ.

– GV quan sát, hỗ trợ, hướng dẫn HS khi cần thiết.

– GV mời mỗi nhóm lên đóng vai 1 tình huống. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung hoặc đặt câu hỏi cho nhóm bạn.

– GV nhận xét, gợi ý lời khuyên:

+ Tình huống a: Khuyên bạn hãy dùng chiếc xe cũ còn tốt, số tiền đó chi tiêu vào những việc có ý nghĩa hơn.

+ Tình huống b: Khuyên các bạn nên tổ chức buổi liên hoan tiết kiệm, vui vẻ, số tiền dư ra có thể làm nhiều việc có ý nghĩa hơn.

4. Vận dụng

Mục tiêu: HS vận dụng những điều đã học vào thực tiễn cuộc sống để lập và thực hiện kế hoạch tiết kiệm tiền.

Cách tiến hành:

1. Lập và thực hiện kế hoạch tiết kiệm tiền

– GV hướng dẫn HS lập và thực hiện kế hoạch tiết kiệm tiền theo bảng gợi ý trong SGK.

– HS thực hiện nhiệm vụ.

– GV mời một số HS chia sẻ sản phẩm trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung hoặc đặt câu hỏi cho bạn.

– GV nhận xét, khen ngợi HS có sản phẩm tốt.

2. Nhắc nhở bạn bè tiết kiệm sách vở, quần áo, đồ dùng, đồ chơi, điện, nước,...

– GV tổ chức cho HS chơi trò Phóng viên nhí, phỏng vấn các bạn về việc bản thân đã tiết kiệm sách vở, quần áo, đồ dùng, đồ chơi, điện, nước,... như thế nào.

– HS thực hiện nhiệm vụ: 1 HS đóng vai phóng viên. Các HS khác trả lời phóng viên/ lắng nghe bạn trả lời, nhắc nhở bạn cần tiết kiệm sách vở, quần áo, đồ dùng, đồ chơi, điện, nước,...

Thông điệp: GV chiếu/viết thông điệp lên bảng. HS quan sát trên bảng hoặc nhìn vào SGK để đọc.

ĐỊNH HƯỚNG ĐÁNH GIÁ

Qua hỏi – đáp và quan sát thái độ, hành động của HS để đánh giá trên các mức:

1. *Hoàn thành tốt:* Nêu được vai trò của tiền; Biết vì sao phải quý trọng đồng tiền; Biết bảo quản và tiết kiệm tiền; mua sắm quần áo, đồ dùng, đồ chơi, quà bánh,… đúng mức, phù hợp với hoàn cảnh gia đình; Nhắc nhở bạn bè chi tiêu tiết kiệm.
2. *Hoàn thành:* Thực hiện được các yêu cầu cần đạt của bài nhưng chưa đầy đủ.
3. *Chưa hoàn thành:* Chưa thực hiện được một số yêu cầu cần đạt của bài.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Chủ đề 8 QUYỀN VÀ BỔN PHẬN CỦA TRẺ EM

Bài 9 QUYỀN VÀ BỔN PHẬN CỦA TRẺ EM (4 tiết)

I YÊU CẦU CẦN ĐẠT

– *Sau bài học, HS cần:*

+ Kể được một số quyền và bổn phận cơ bản của trẻ em.

+ Biết được vì sao phải thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em.

+ Thực hiện được quyền và bổn phận của trẻ em phù hợp với lứa tuổi.

+ Nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em.

– *HS có cơ hội hình thành và phát triển:*

+ Năng lực chung: tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo trước những tình huống liên quan tới quyền và bổn phận của trẻ em.

+ Năng lực đặc thù: điều chỉnh hành vi, tìm hiểu và tham gia một số hoạt động liên quan tới quyền và bổn phận của trẻ em.

+ Phẩm chất yêu nước, nhân ái, trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm đối với quyền và bổn phận của trẻ em.

II ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SGK, SGV, Vở bài tập Đạo đức 4.

– Bộ tranh về *Quyền trẻ em* theo Thông tư 37/2021-TT/BGDĐT

– Câu chuyện, bài hát, trò chơi gắn với nội dung của chủ đề.

– Máy tính, máy chiếu (nếu có).

III CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Khởi động

Mục tiêu: Tạo tâm thế tích cực, hứng thú học tập cho HS và kết nối vào bài học mới.

Cách tiến hành:

– GV cho HS cùng hát/nghe bài hát "Trẻ em hôm nay, thế giới ngày mai" (nhạc: Lê Mây, lời: Phùng Ngọc Hùng).

– GV mời một vài HS trả lời câu hỏi: *Theo em, vì sao nói "Trẻ em hôm nay, thế giới ngày mai"?*

– HS chia sẻ và trả lời.

– GV khen ngợi những HS đã có câu trả lời đúng và dẫn dắt vào bài.

2. Khám phá

Hoạt động 1 *Tìm hiểu một số quyền của trẻ em*

Mục tiêu: HS kể được một số quyền của trẻ em.

Cách tiến hành:

– GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, quan sát các bức tranh trong SGK và cho biết: *Các bạn trong tranh đang được hưởng quyền gì?*

– GV mời đại diện một vài nhóm chia sẻ kết quả thảo luận, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

– GV động viên, khen ngợi các nhóm đã tích cực thảo luận và có câu trả lời đúng.

– GV nhận xét, kết luận: Quyền trẻ em là tất cả những gì trẻ em cần có để được sống và lớn lên một cách lành mạnh và an toàn. Quyền trẻ em nhằm đảm bảo cho trẻ em không chỉ là người tiếp nhận thụ động lòng nhân từ của người lớn, mà các em là những thành viên tham gia tích cực vào quá trình phát triển của chính mình. Các bạn trong tranh được hưởng những quyền như: Quyền được khai sinh và có quốc tịch; Quyền được chăm sóc sức khoẻ; Quyền được học tập; Quyền được tôn trọng, bảo vệ tính mạng, thân thể nhân phẩm và danh dự; Quyền được vui chơi giải trí hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch; Quyền được bày tỏ ý kiến và hội họp.

– GV yêu cầu HS tiếp tục thảo luận cặp đôi để trả lời câu hỏi: *Em còn biết quyền nào khác của trẻ em?*

– GV mời đại diện một vài nhóm chia sẻ kết quả thảo luận, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét, kết luận: Ngoài ra, trẻ em còn có rất nhiều quyền khác như: Quyền sống; Quyền giữ gìn, phát huy bản sắc; Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; Quyền sở hữu, thừa kế và các quyền khác đối với tài sản theo quy định của pháp luật; Quyền bí mật đời sống riêng tư; Quyền được sống chung với cha, mẹ; Quyền được đoàn tụ, liên hệ và tiếp xúc với cha, mẹ; Quyền được chăm sóc thay thế và nhận làm con nuôi; Quyền được bảo vệ để không bị xâm hại tình dục; Quyền được bảo vệ để không bị bóc lột sức lao động; Quyền được bảo vệ để không bị bạo lực, bỏ rơi, bỏ mặc; Quyền được bảo vệ để không bị mua bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt; Quyền được bảo vệ khỏi chất ma tuý; Quyền được bảo vệ trong tố tụng và xử lí vi phạm hành chính; Quyền được bảo vệ khi gặp thiên tai, thảm hoạ, ô nhiễm môi

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

trường, xung đột vũ trang; Quyền được bảo đảm an sinh xã hội; Quyền được tiếp cận thông tin và tham gia hoạt động xã hội,...

Hoạt động 2 *Tìm hiểu một số bổn phận của trẻ em*

Mục tiêu: HS kể được một số bổn phận của trẻ em.

Cách tiến hành:

– GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, quan sát các bức tranh trong SGK và cho biết: *Các bạn trong tranh đã thực hiện bổn phận gì?*

– GV quan sát các nhóm thảo luận, gợi ý, hỗ trợ nếu cần.

– GV mời đại diện một vài nhóm chia sẻ kết quả thảo luận, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

– GV động viên, khen ngợi các nhóm đã tích cực thảo luận và có câu trả lời đúng.

– GV nhận xét, kết luận: Trẻ em là đối tượng rất dễ bị tổn thương bởi cả về thể chất và tinh thần chưa phát triển hoàn thiện. Vì vậy, pháp luật trao cho trẻ em những quyền cơ bản trong đó có quyền được bảo vệ chăm sóc bởi gia đình, nhà trường, cơ sở trợ giúp xã hội và cơ sở giáo dục khác, cộng đồng, xã hội. Đồng thời, trẻ em cũng phải có bổn phận với những người mà đã thực hiện trách nhiệm bảo vệ chăm sóc mình. Các bạn trong tranh đã thực hiện các bổn phận: Giữ gìn vệ sinh, rèn luyện thân thể; Giúp đỡ bố mẹ những công việc phù hợp; Kính trọng, hiếu thảo với ông bà, cha mẹ; Giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn; Giữ gìn, bảo vệ của công; Thương yêu, đoàn kết, giúp đỡ bạn bè.

– GV yêu cầu HS tiếp tục thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi: *Theo em, trẻ em còn có những bổn phận gì?*

– HS thảo luận nhóm và cử đại diện chia sẻ kết quả thảo luận.

– GV nhận xét, khen ngợi các nhóm tích cực thảo luận và có câu trả lời đúng.

– GV kết luận: Ngoài ra trẻ em có những bổn phận khác như:

+ Đối với gia đình: Yêu thương, quan tâm, chia sẻ tình cảm, nguyện vọng với cha mẹ và các thành viên trong gia đình, dòng họ; Học tập, rèn luyện, giữ gìn nền nếp gia đình.

+ Đối với nhà trường, cơ sở trợ giúp xã hội và cơ sở giáo dục khác: Tôn trọng giáo viên, cán bộ, nhân viên của nhà trường, cơ sở trợ giúp xã hội và cơ sở giáo dục khác; Rèn luyện đạo đức, ý thức tự học, thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường, cơ sở giáo dục khác; Chấp

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

hành đầy đủ nội quy, quy định của nhà trường, cơ sở trợ giúp xã hội và cơ sở giáo dục khác.

+ Đối với cộng đồng, xã hội: Tôn trọng, lễ phép với người lớn tuổi; Tôn trọng quyền, danh dự, nhân phẩm của người khác; Chấp hành quy định về an toàn giao thông và trật tự, an toàn xã hội; Bảo vệ, giữ gìn, sử dụng tài sản, tài nguyên, bảo vệ môi trường phù hợp với khả năng và độ tuổi của trẻ em; Phát hiện, thông tin, thông báo, tố giác hành vi vi phạm pháp luật.

+ Đối với quê hương, đất nước: Yêu quê hương, đất nước, yêu đồng bào, có ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; Tôn trọng truyền thống lịch sử dân tộc; Giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hoá tốt đẹp của quê hương, đất nước; Tuân thủ và chấp hành pháp luật; Đoàn kết, hợp tác, giao lưu với bạn bè, trẻ em quốc tế phù hợp với độ tuổi và từng giai đoạn phát triển của trẻ em.

+ Đối với bản thân: Có trách nhiệm với bản thân; Không huỷ hoại thân thể, danh dự, nhân phẩm, tài sản của bản thân; Sống trung thực, khiêm tốn; Chăm chỉ học tập, không tự ý bỏ học, không rời bỏ gia đình sống lang thang; Không đánh bạc; Không mua, bán, sử dụng rượu, bia, thuốc lá và chất gây nghiện, chất kích thích khác; Không sử dụng, trao đổi sản phẩm có nội dung kích động bạo lực, đồi truỵ; Không sử dụng đồ chơi hoặc chơi trò chơi có hại cho sự phát triển lành mạnh của bản thân.

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để trả lời thêm câu hỏi: *Em đã thực hiện được những bổn phận gì của trẻ em?*

– GV động viên, khuyến khích HS trả lời câu hỏi.

– Một vài HS chia sẻ những bổn phận mà mình đã thực hiện đối với bản thân, gia đình, nhà trường, xã hội.

– GV nhận xét, khen ngợi những HS đã biết thực hiện tốt các bổn phận của trẻ em.

Hoạt động 3 *Khám phá vì sao phải thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em*

Mục tiêu: HS biết được vì sao phải thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em.

Cách tiến hành:

– GV mời 1 – 2 HS đọc câu chuyện "Hành trình yêu thương" trong SGK.

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc kĩ câu chuyện trong SGK để trả lời câu hỏi:

+ *Từ câu chuyện trên, theo em, những em nhỏ bị bỏ rơi ngay từ khi mới chào đời đã bị tước đi những quyền gì của trẻ em?*

+ *Việc làm của cô Mai Anh có ý nghĩa gì đối với Thiện Nhân?*

– HS đọc truyện, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

– GV khuyến khích HS trả lời câu hỏi.

– GV khen ngợi những HS có câu trả lời đúng.

– GV nhận xét, kết luận:

+ Những em nhỏ bị bỏ rơi ngay từ khi mới chào đời đã bị tước đi những quyền như: quyền sống; quyền được khai sinh và có quốc tịch; quyền được sống chung với cha, mẹ; quyền được bảo vệ để không bị bỏ rơi, bỏ mặc;…

+ Việc làm của cô Mai Anh có nhiều ý nghĩa đối với Thiện Nhân: Cô Mai Anh với tình yêu thương vô bờ bến đã nhận nuôi và chăm sóc Thiện Nhân như con đẻ. Cuộc đời tưởng như đầy đau thương và u ám của Thiện Nhân đã thoát khỏi những nghiệt ngã. Việc làm của cô đã đảm bảo cho Thiện Nhân được hưởng đầy đủ các quyền của trẻ em, được phát triển, trở thành một con người như bao người khác.

– GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi để trả lời câu hỏi: *Thiện Nhân đã thực hiện tốt những bổn phận gì của trẻ em?*

– HS thảo luận cặp đôi để trả lời câu hỏi.

– Đại diện các nhóm trả lời.

– GV khen ngợi những HS có câu trả lời đúng.

– GV nhận xét, kết luận: Thiện Nhân đã thực hiện tốt bổn phận kính trọng, lễ phép, hiếu thảo với ông bà, cha mẹ; yêu thương, quan tâm, chia sẻ tình cảm với cha mẹ và các thành viên trong gia đình; học tập, rèn luyện, giữ gìn nền nếp gia đình, phụ giúp cha mẹ và các thành viên trong gia đình những công việc phù hợp với độ tuổi. Việc thực hiện tốt bổn phận đó giúp Thiện Nhân có thành tích học tập tốt, được người thân, bạn bè, thầy cô,… yêu quý.

– GV yêu cầu HS tiếp tục thảo luận cặp đôi để trả lời câu hỏi: *Theo em, vì sao phải thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em?*

– HS thảo luận để trả lời câu hỏi.

– GV quan sát các nhóm, hỗ trợ, gợi ý khi cần thiết.

– Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét, kết luận: Thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em có ý nghĩa rất quan trọng, là điều kiện cần thiết để cho trẻ em được sống, được phát triển trong bầu

không khí hạnh phúc, yêu thương, an toàn, lành mạnh, bình đẳng; được tham gia vào các hoạt động xã hội; được phát triển đầy đủ, toàn diện về thể chất và tinh thần.

3. Luyện tập

Mục tiêu: HS củng cố được kiến thức đã học và thực hành cách xử lí tình huống cụ thể.

Cách tiến hành:

Bài tập 1. Chơi trò chơi: Kể về các quyền và bổn phận của trẻ em

– GV chia lớp thành 2 đội, hai đội thi nhau kể tên các quyền và bổn phận của trẻ em trong thời gian 5 phút, đội nào kể được đúng và nhiều hơn đội đó thắng cuộc (lượt một thi kể về các quyền, lượt hai thi kể về các bổn phận).

– GV khen ngợi, tặng quà (nếu có) cho đội thi giành chiến thắng.

Bài tập 2. Hành vi nào sau đây xâm phạm đến quyền trẻ em? Vì sao?

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để xác định hành vi nào xâm phạm đến quyền trẻ em.

– HS đọc các ý kiến trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

– GV mời một vài HS chia sẻ câu trả lời với cả lớp.

– GV nhận xét, kết luận: Các hành vi xâm phạm đến quyền trẻ em là: Đánh đập, hành hạ trẻ em; Bắt trẻ em nghỉ học để làm việc.

Bài tập 3. Em tán thành hoặc không tán thành ý kiến nào dưới đây? Vì sao?

– GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, thảo luận với bạn bên cạnh để xác định các ý kiến mà các em tán thành/không tán thành và giải thích vì sao em lại tán thành/không tán thành với ý kiến đó.

– HS đọc các ý kiến trong SGK, thảo luận với bạn để trả lời câu hỏi.

– GV mời một vài HS chia sẻ câu trả lời với cả lớp.

– GV nhận xét, kết luận:

+ Tán thành các ý kiến: Trẻ em không phải làm các công việc nặng nhọc; Trẻ em có quyền được bày tỏ ý kiến, quan điểm cá nhân; Mọi hành vi xâm phạm quyền trẻ em đều bị trừng phạt nghiêm khắc. Vì các ý kiến này thể hiện đúng quyền mà trẻ em được hưởng.

+ Không tán thành các ý kiến: Trẻ em có quyền vui chơi, không cần phải làm việc gì – vì trẻ em có quyền vui chơi nhưng cũng cần thực hiện nhiều bổn phận, trong đó có bổn phận làm những công việc phù hợp với lứa tuổi ở gia đình, nhà trường

và cộng đồng; Cho con đi học hay không là quyền của cha mẹ – không tán thành vì được đi học là quyền của trẻ em, là điều kiện cần thiết để con người được phát triển toàn diện, do vậy cha mẹ cần tạo điều kiện để cho con được đi học; Trẻ em chỉ cần học, không cần tham gia các hoạt động khác – không tán thành vì trẻ em có quyền học tập nhưng cũng có bổn phận tham gia các hoạt động khác ở gia đình, nhà trường và xã hội.

Bài tập 4. Em hãy quan sát các bức tranh sau và cho biết bạn nào thực hiện đúng, bạn nào thực hiện chưa đúng bổn phận của trẻ em? Vì sao?

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, quan sát các bức tranh trong SGK và trả lời câu hỏi.

– HS quan sát các bức tranh trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

– GV mời một vài HS chia sẻ câu trả lời với cả lớp.

– GV nhận xét, kết luận: Bức tranh 2, 4, 5 có các bạn thực hiện đúng bổn phận của trẻ em vì các bạn đã biết yêu thương, quan tâm, chia sẻ tình cảm với các thành viên trong gia đình; biết phát hiện, thông tin, thông báo, tố giác hành vi vi phạm pháp luật; biết giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn. Bức tranh 1, 3, 6 có các bạn không thực hiện đúng bổn phận của trẻ em, vì các bạn không có trách nhiệm với bản thân (không rèn luyện thân thể); không giúp đỡ các thành viên trong gia đình làm những công việc vừa sức; không yêu thương, đoàn kết với bạn bè.

Bài tập 5. Xử lí tình huống

– GV yêu cầu mỗi nhóm HS lựa chọn một tình huống trong SGK để đóng vai đưa ra cách xử lí đúng.

– HS các nhóm lựa chọn tình huống, thảo luận cách xử lí tình huống, phân công đóng vai các nhân vật trong tình huống.

– Từng nhóm lên đóng vai, các nhóm còn lại chú ý quan sát, cổ vũ, động viên.

– GV cùng HS nhận xét, kết luận cách xử lí tình huống của các nhóm.

Gợi ý:

+ Tình huống a: Nếu là bạn của Linh, em khuyên Linh cần sắp xếp thời gian hợp lí để xem ti vi đồng thời phụ giúp bố mẹ làm các công việc phù hợp với lứa tuổi trong gia đình vì đó là bổn phận của trẻ em. Việc mẹ nhắc nhở Linh là đúng, không vi phạm quyền vui chơi, giải trí của trẻ em.

+ Tình huống b: Trong tình huống này, em nên ngăn cản và khuyên các bạn không bắt nạt em nhỏ vì trẻ em cần được bảo vệ khỏi các hành vi bắt nạt, bạo lực,… Nếu

các bạn không nghe theo thì em cần nhờ người lớn đáng tin cậy hỗ trợ, ngăn cản hành vi bắt nạt đó.

4. Vận dụng

Mục tiêu: HS vận dụng những điều đã học vào thực tiễn cuộc sống để thực hiện tốt quyền và bổn phận của trẻ em.

Cách tiến hành:

– GV hướng dẫn HS về nhà vẽ một bức tranh về quyền trẻ em và chia sẻ ý nghĩa của bức tranh đó với các bạn trong nhóm vào buổi học sau.

– GV yêu cầu HS tự đánh giá việc thực hiện bổn phận của mình xem điều gì em đã thực hiện tốt, điều gì còn chưa tốt. Đối với những việc chưa tốt, em hãy lập kế hoạch để khắc phục theo bảng mẫu sau:

Việc thực hiện tốt	Việc chưa thực hiện tốt	Biện pháp khắc phục

Thông điệp: GV chiếu/viết thông điệp lên bảng. HS quan sát trên bảng hoặc nhìn vào SGK để đọc.

ĐỊNH HƯỚNG ĐÁNH GIÁ

Qua hỏi – đáp và quan sát thái độ, hành động của HS để đánh giá trên các mức:

1. *Hoàn thành tốt:* Kể được một số quyền và bổn phận cơ bản của trẻ em; Biết được vì sao phải thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em; Thực hiện được quyền và bổn phận của trẻ em phù hợp với lứa tuổi; Nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em.
2. *Hoàn thành:* Thực hiện được các yêu cầu cần đạt của bài nhưng chưa đầy đủ.
3. *Chưa hoàn thành:* Chưa thực hiện được một số yêu cầu cần đạt của bài.

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập lần đầu: NGUYỄN THỊ TRANG – VŨ THỊ LAN ANH

Biên tập tái bản: NGUYỄN THỊ TRANG

Thiết kế sách: TRẦN NGỌC LÊ

Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA

Sửa bản in: TẠ THỊ HƯỜNG - NGUYỄN TẤT THẮNG

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

ĐẠO ĐỨC 4 - SÁCH GIÁO VIÊN

Mã số:

In...bản (QĐ...), khổ 19 x 26,5cm.

Đơn vị in:.....

Địa chỉ:.....

Số ĐKXB: .....CXBIPH/.....-...../GD

Số QĐXB: .....ngày.....tháng.....năm.....

In xong và nộp lưu chiểu quý ..... năm .....

Mã số ISBN:

HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 4 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Tiếng Việt 4, tập một – SGV
2. Tiếng Việt 4, tập hai – SGV
3. Toán 4 – SGV
4. Khoa học 4 – SGV
5. Đạo đức 4 – SGV
6. Âm nhạc 4 – SGV
7. Mĩ thuật 4 – SGV
8. Công nghệ 4 – SGV
9. Lịch sử và Địa lí 4 – SGV
10. Tin học 4 – SGV
11. Hoạt động trải nghiệm 4 – SGV
12. Giáo dục thể chất 4 – SGV
13. Tiếng Anh 4 – Global Success – SGV

Website: https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG